

2023 Downtown Sprint Meet - 10/20/2023 to 10/22/2023

Results

Girls 10&U 50 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time
1 Zorko, Vivian K	10	TSC	36.26
2 Pangalos, Zoe	10	TSC	37.97
3 Ji, Rebecca	10	TSC	38.56
4 Hall, Raelen T	10	TSC	38.81
5 Robson, Emma F	10	TSC	39.31
6 Bolan, Hannah K	9	TSC	39.93
7 Aversa, Sophie A	10	TSC	40.70
8 Finlayson, Claire	10	GGST	40.80
9 Leung, Charlotte I	9	TSC	41.25
10 Hoberg, Camilla D	10	TSC	42.01
11 Carnevale, Cristiana	9	TSC	42.12
12 Sarvari, Emma	10	TSC	42.19
13 Da Silva, Maya	10	TSC	43.17
14 Chau, Amelia Q	10	TSC	43.73
15 Simoes, Olivia M	10	TSC	43.78
16 Morris, Clara E	9	TSC	44.04
17 Caturay, Phoebe B	9	TSC	44.42
18 Ren, Yunxuan	10	TSC	44.44
19 Clarke, Charlotte M	10	TSC	45.20
20 Reyes-Morris, Izcalli	10	TSC	45.31
21 Levy, Gemma R	9	TSC	45.36
22 Angl, Lexi P	10	TSC	45.94
23 Goel, Dahlia M	8	TSC	46.31
24 Tian, Alisa	10	TSC	46.69
25 Stok, Elise D	8	TSC	46.88
26 Cole, Aniese E	9	TSC	50.31
27 Liew, Reilly X	8	TSC	52.29
28 McKillop, Maya E	8	TSC	52.48
29 Smalley, Scarlett E	10	TSC	53.42
30 Lewin, Aubrey L	10	TSC	53.54
31 Lawson, Charlie A	10	TSC	56.26
32 Chittley, Hyla M	8	TSC	57.97
33 Stern, Dalia S	9	TSC	1:00.26

Girls 10&U 100 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time
1 Yang, Alex A	10	TSC	1:16.17
2 Zorko, Vivian K	10	TSC	1:19.70
3 Ji, Rebecca	10	TSC	1:21.53
4 Pangalos, Zoe	10	TSC	1:22.03
5 McKillop, Zoe E	10	TSC	1:25.28
6 Huang, Chloe	8	TSC	1:26.00
7 Hall, Raelen T	10	TSC	1:26.11
8 Leung, Charlotte I	9	TSC	1:28.82
9 Gemmell, Yasmin A	10	TSC	1:28.83
10 Robson, Emma F	10	TSC	1:30.65
11 Finlayson, Claire	10	GGST	1:31.52
12 Aversa, Sophie A	10	TSC	1:34.07
13 Carnevale, Cristiana	9	TSC	1:34.46
14 Bolan, Hannah K	9	TSC	1:34.77
15 McIntyre, Leann P	10	TSC	1:37.40
16 Chau, Amelia Q	10	TSC	1:37.48
17 Sarvari, Emma	10	TSC	1:37.66
18 Levy, Gemma R	9	TSC	1:38.86
19 Da Silva, Maya	10	TSC	1:38.91

20 Ren, Yunxuan	10	TSC	1:41.15
21 Simoes, Olivia M	10	TSC	1:41.96
22 Angl, Lexi P	10	TSC	1:42.77
23 Morris, Clara E	9	TSC	1:43.27
24 Hoberg, Camilla D	10	TSC	1:43.53
25 Clarke, Charlotte M	10	TSC	1:44.11
26 Reyes-Morris, Izcalli	10	TSC	1:46.66
27 Tian, Alisa	10	TSC	1:50.08
28 McKillop, Maya E	8	TSC	1:53.74
29 Wang, EE	10	TSC	1:53.83
30 Smalley, Scarlett E	10	TSC	1:56.19
31 Lewin, Aubrey L	10	TSC	2:02.58
32 Lawson, Charlie A	10	TSC	2:05.40

Girls 10&U 50 Meter Back

Name	Age	Team	Finals Time
1 Yang, Alex A	10	TSC	41.57
2 McKillop, Zoe E	10	TSC	43.55
3 Morris, Clara E	9	TSC	46.62
4 Huang, Chloe	8	TSC	46.68
5 Bolan, Hannah K	9	TSC	47.48
6 Aversa, Sophie A	10	TSC	48.03
7 Reyes-Morris, Izcalli	10	TSC	48.43
8 McIntyre, Leann P	10	TSC	49.35
9 Hoberg, Camilla D	10	TSC	50.03
10 Caturay, Phoebe B	9	TSC	50.60
11 Clarke, Charlotte M	10	TSC	50.90
12 Carnevale, Cristiana	9	TSC	52.72
13 Finlayson, Claire	10	GGST	52.76
14 Angl, Lexi P	10	TSC	53.82
15 Levy, Gemma R	9	TSC	56.05
16 Liew, Reilly X	8	TSC	56.65
17 Stok, Elise D	8	TSC	57.46
18 Lewin, Aubrey L	10	TSC	58.27
19 McKillop, Maya E	8	TSC	59.20
20 Cole, Aniese E	9	TSC	59.70
21 Smalley, Scarlett E	10	TSC	1:00.95
22 Goel, Dahlia M	8	TSC	1:01.45
23 Stern, Dalia S	9	TSC	1:03.34
24 Lawson, Charlie A	10	TSC	1:04.42
25 Chittley, Hyla M	8	TSC	1:05.37

Girls 10&U 100 Meter Back

Name	Age	Team	Finals Time
1 Yang, Alex A	10	TSC	1:27.96
2 McKillop, Zoe E	10	TSC	1:32.34
3 Pangalos, Zoe	10	TSC	1:33.45
4 Hall, Raelen T	10	TSC	1:36.64
5 Ji, Rebecca	10	TSC	1:37.62
6 Zorko, Vivian K	10	TSC	1:38.39
7 Leung, Charlotte I	9	TSC	1:39.57
8 Robson, Emma F	10	TSC	1:40.24
9 Huang, Chloe	8	TSC	1:41.01
10 Gemmell, Yasmin A	10	TSC	1:42.53
11 Bolan, Hannah K	9	TSC	1:42.91
12 Chau, Amelia Q	10	TSC	1:44.75
13 Reyes-Morris, Izcalli	10	TSC	1:45.57
14 Morris, Clara E	9	TSC	1:47.71

15 Simoes, Olivia M	10	TSC	1:48.75
16 Finlayson, Claire	10	GGST	1:49.86
17 Clarke, Charlotte M	10	TSC	1:50.86
18 Tian, Alisa	10	TSC	1:51.94
19 Hoberg, Camilla D	10	TSC	1:53.91
20 Angl, Lexi P	10	TSC	1:55.69
21 Levy, Gemma R	9	TSC	1:57.24
22 Sarvari, Emma	10	TSC	1:57.29
23 Lewin, Aubrey L	10	TSC	2:05.74
24 McKillop, Maya E	8	TSC	2:10.00
25 Smalley, Scarlett E	10	TSC	2:17.32
--- Lawson, Charlie A	10	TSC	DQ
--- Carnevale, Cristiana	9	TSC	DQ
--- Aversa, Sophie A	10	TSC	DQ

Girls 10&U 50 Meter Breast

Name	Age	Team	Finals Time
1 Zorko, Vivian K	10	TSC	46.71
2 Ji, Rebecca	10	TSC	48.23
3 Da Silva, Maya	10	TSC	50.19
4 McIntyre, Leann P	10	TSC	50.87
5 Gemmell, Yasmin A	10	TSC	54.05
6 Tian, Alisa	10	TSC	54.82
7 Chau, Amelia Q	10	TSC	55.52
8 Finlayson, Claire	10	GGST	55.73
9 Hall, Raelen T	10	TSC	56.49
10 Simoes, Olivia M	10	TSC	56.95
11 Levy, Gemma R	9	TSC	57.56
12 Carnevale, Cristiana	9	TSC	57.91
13 Ren, Yunxuan	10	TSC	59.36
14 Clarke, Charlotte M	10	TSC	59.65
15 Wang, EE	10	TSC	59.91
16 Morris, Clara E	9	TSC	1:01.24
17 Sarvari, Emma	10	TSC	1:02.82
18 Hoberg, Camilla D	10	TSC	1:03.38
19 Bolan, Hannah K	9	TSC	1:03.79
20 Aversa, Sophie A	10	TSC	1:04.16
21 Smalley, Scarlett E	10	TSC	1:04.56
22 McKillop, Maya E	8	TSC	1:05.02
23 Angl, Lexi P	10	TSC	1:08.07
24 Lewin, Aubrey L	10	TSC	1:13.25
--- Lawson, Charlie A	10	TSC	DQ

Girls 10&U 100 Meter Breast

Name	Age	Team	Finals Time
1 Yang, Alex A	10	TSC	1:38.77
2 Zorko, Vivian K	10	TSC	1:39.29
3 McKillop, Zoe E	10	TSC	1:42.16
4 Ji, Rebecca	10	TSC	1:43.06
5 Pangalos, Zoe	10	TSC	1:45.82
6 McIntyre, Leann P	10	TSC	1:49.29
7 Huang, Chloe	8	TSC	1:52.09
8 Da Silva, Maya	10	TSC	1:52.96
9 Robson, Emma F	10	TSC	1:53.69
10 Tian, Alisa	10	TSC	1:58.01
11 Chau, Amelia Q	10	TSC	1:59.37
12 Leung, Charlotte I	9	TSC	2:01.45
13 Finlayson, Claire	10	GGST	2:02.58

2023 Downtown Sprint Meet - 10/20/2023 to 10/22/2023

Results

(Girls 10&U 100 Meter Breast)

14	Simoes, Olivia M	10	TSC	2:03.44
15	Hall, Raelen T	10	TSC	2:03.56
16	Levy, Gemma R	9	TSC	2:07.29
17	McKillop, Maya E	8	TSC	2:11.55
18	Sarvari, Emma	10	TSC	2:12.54
19	Ren, Yunxuan	10	TSC	2:14.41
20	Hoberg, Camilla D	10	TSC	2:15.23
21	Caturay, Phoebe B	9	TSC	2:16.91
22	Goel, Dahlia M	8	TSC	2:17.88
23	Cole, Aniese E	9	TSC	2:18.03
24	Chittley, Hyla M	8	TSC	2:22.20
25	Smalley, Scarlett E	10	TSC	2:22.31
26	Liew, Reilly X	8	TSC	2:23.63
27	Lewin, Aubrey L	10	TSC	2:34.94
28	Stern, Dalia S	9	TSC	2:35.50
29	Lawson, Charlie A	10	TSC	2:45.34
---	Aversa, Sophie A	10	TSC	DQ

Girls 10&U 50 Meter Fly

Name	Age	Team	Finals Time	
1	McKillop, Zoe E	10	TSC	39.29
2	Yang, Alex A	10	TSC	40.27
3	Pangalos, Zoe	10	TSC	41.20
4	Huang, Chloe	8	TSC	42.49
5	Robson, Emma F	10	TSC	45.32
6	Reyes-Morris, Izcalli	10	TSC	48.36
7	Leung, Charlotte I	9	TSC	49.22
8	McIntyre, Leann P	10	TSC	50.42
9	Da Silva, Maya	10	TSC	52.35
10	Ren, Yunxuan	10	TSC	56.12
11	Wang, EE	10	TSC	1:08.47

Girls 10&U 100 Meter IM

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Yang, Alex A	10	TSC	1:28.82
2	Zorko, Vivian K	10	TSC	1:30.20
3	Pangalos, Zoe	10	TSC	1:32.67
4	McKillop, Zoe E	10	TSC	1:32.75
5	Huang, Chloe	8	TSC	1:34.66
6	Ji, Rebecca	10	TSC	1:36.04
7	Robson, Emma F	10	TSC	1:36.73
8	Chau, Amelia Q	10	TSC	1:44.19
9	Hall, Raelen T	10	TSC	1:44.48
10	Leung, Charlotte I	9	TSC	1:44.94
11	McIntyre, Leann P	10	TSC	1:47.42
12	Reyes-Morris, Izcalli	10	TSC	1:47.58
13	Bolan, Hannah K	9	TSC	1:48.84
14	Sarvari, Emma	10	TSC	1:49.25
15	Da Silva, Maya	10	TSC	1:49.48
16	Tian, Alisa	10	TSC	1:49.55
17	Carnevale, Cristiana	9	TSC	1:51.54
18	Simoes, Olivia M	10	TSC	1:51.59
19	Ren, Yunxuan	10	TSC	1:54.45
20	Clarke, Charlotte M	10	TSC	1:54.80
21	Morris, Clara E	9	TSC	1:55.28
22	Angl, Lexi P	10	TSC	1:56.20

Girls 11 50 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Gundy, Penny J	11	TSC	31.21
2	Levy, Romy M	11	TSC	31.81
3	Brady, Addy H	11	TSC	31.93
4	Tiu, Victoria	11	TORCH	32.98
5	Sitter, Isla M	11	TSC	35.28
6	Kendrew, Calista R	11	TSC	35.69
7	Fofana, Malaika R	11	TSC	36.47
8	Goddard, Petra L	11	TSC	37.24
9	Dickie, Isla	11	GGST	37.49
10	Beaton, Kristina V	11	TSC	38.65
11	Peace, Margot F	11	TSC	39.30
12	Stok, Ava E	11	TSC	40.48
13	Koschmider, Sigrid L	11	TSC	40.86
14	Wang, Olivia	11	GGST	40.91
15	White, Zoey B	11	TSC	41.10
16	Polci, Maya	11	GGST	41.30
17	Stitt, Elena A	11	TSC	41.95
18	Takavarasha, Una C	11	TSC	42.11
19	Brown, Amelia L	11	TSC	42.97
20	Kuske, Avery	11	GGST	43.38
21	Li, Gloria N	11	TSC	44.86
22	Ashat, Aria W	11	TSC	45.59
23	Kislenko, Katya A	11	TSC	46.10
24	Bay, Summer M	11	TSC	47.59
25	Kassabian, Valerie L	11	TSC	47.81
26	Blakely, Beau R	11	TSC	48.24
27	McFarlane, Brylan M	11	TSC	57.06
28	Ojaghi Haghighi, Seler	11	TSC	57.59

Girls 11 100 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Levy, Romy M	11	TSC	1:10.05
2	Tiu, Victoria	11	TORCH	1:13.86
3	Matviyenko-Rizopoul	11	TSC	1:14.42
4	Fagerstroem, Quinn E	11	TSC	1:17.12
5	Huang, Megan	11	TSC	1:17.22
6	Sitter, Isla M	11	TSC	1:17.41
7	Ricarti, Rafaela N	11	TSC	1:17.92
8	Kendrew, Calista R	11	TSC	1:18.33
9	Thomas, Addison D	11	TSC	1:19.17
10	Jordan, Anna H	11	TSC	1:20.11
11	Levinter, Loah A	11	TSC	1:20.79
12	Furlong, Quinn A	11	TSC	1:23.37
13	Nason, Zoe H	11	TSC	1:23.43
14	Beaton, Kristina V	11	TSC	1:25.42
15	Fofana, Malaika R	11	TSC	1:26.19
16	Demaso, Paloma N	11	TSC	1:28.39
17	Sousa, Mina	11	TSC	1:29.11
18	Peace, Margot F	11	TSC	1:29.17
19	Koschmider, Sigrid L	11	TSC	1:29.46
20	Kuske, Avery	11	GGST	1:29.68
21	Stok, Ava E	11	TSC	1:32.59
22	Polci, Maya	11	GGST	1:34.25
23	Stitt, Elena A	11	TSC	1:34.73
24	White, Zoey B	11	TSC	1:35.37

25	Sala, Manuela V	11	TSC	1:35.58
26	Brown, Amelia L	11	TSC	1:38.00
27	Wang, Olivia	11	GGST	1:38.68
28	Li, Gloria N	11	TSC	1:38.94
29	Ashat, Aria W	11	TSC	1:42.16
30	Takavarasha, Una C	11	TSC	1:43.34
31	Kassabian, Valerie L	11	TSC	1:44.10
32	Bay, Summer M	11	TSC	1:44.91
33	Kislenko, Katya A	11	TSC	1:45.91
34	Blakely, Beau R	11	TSC	1:47.89
35	New, Astrid	11	GGST	1:57.38
36	McFarlane, Brylan M	11	TSC	2:06.33
37	Ojaghi Haghighi, Seler	11	TSC	2:15.73
---	Drimmer, Ella	11	GGST	DQ

Girls 11 200 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Tiu, Victoria	11	TORCH	2:41.21
2	Sitter, Isla M	11	TSC	2:47.84
3	Kendrew, Calista R	11	TSC	2:54.59
4	Beaton, Kristina V	11	TSC	3:09.80
5	Demaso, Paloma N	11	TSC	3:15.25
6	Koschmider, Sigrid L	11	TSC	3:28.47
7	Feilchenfeld, Abby C	11	TSC	3:33.76
8	Ashat, Aria W	11	TSC	3:41.07
9	Kassabian, Valerie L	11	TSC	3:45.55

Girls 11 50 Meter Back

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Brady, Addy H	11	TSC	35.50
2	Gundy, Penny J	11	TSC	37.87
3	Levy, Romy M	11	TSC	37.94
4	Matviyenko-Rizopoul	11	TSC	39.73
5	Fagerstroem, Quinn E	11	TSC	40.12
6	Ricarti, Rafaela N	11	TSC	40.29
7	Thomas, Addison D	11	TSC	40.82
8	Goddard, Petra L	11	TSC	40.89
9	Huang, Megan	11	TSC	41.09
10	Jordan, Anna H	11	TSC	41.65
11	Sousa, Mina	11	TSC	42.23
12	Furlong, Quinn A	11	TSC	42.40
13	Nason, Zoe H	11	TSC	42.83
14	Levinter, Loah A	11	TSC	43.34
15	Sala, Manuela V	11	TSC	47.11
16	Li, Gloria N	11	TSC	47.94
17	Wang, Olivia	11	GGST	48.16
18	Polci, Maya	11	GGST	49.84
19	Kuske, Avery	11	GGST	51.53
20	Feilchenfeld, Abby C	11	TSC	52.30
21	Kislenko, Katya A	11	TSC	52.50
*22	Blakely, Beau R	11	TSC	54.49
*22	Bay, Summer M	11	TSC	54.49
24	Takavarasha, Una C	11	TSC	54.66
25	Brown, Amelia L	11	TSC	54.68
26	Ojaghi Haghighi, Seler	11	TSC	59.41
27	McFarlane, Brylan M	11	TSC	1:11.92

2023 Downtown Sprint Meet - 10/20/2023 to 10/22/2023

Results

Girls 11 100 Meter Back

Name	Age	Team	Finals Time
1 Brady, Addy H	11	TSC	1:18.60
2 Gundy, Penny J	11	TSC	1:20.20
3 Tiu, Victoria	11	TORCH	1:23.03
4 Sitter, Isla M	11	TSC	1:26.59
5 Ricarti, Rafaela N	11	TSC	1:26.68
6 Goddard, Petra L	11	TSC	1:27.42
7 Matviyenko-Rizopoul	11	TSC	1:28.31
8 Kendrew, Calista R	11	TSC	1:28.37
9 Fagerstroem, Quinn E	11	TSC	1:28.72
10 Huang, Megan	11	TSC	1:30.52
11 Jordan, Anna H	11	TSC	1:30.77
12 Nason, Zoe H	11	TSC	1:32.74
13 Demaso, Paloma N	11	TSC	1:34.52
14 Thomas, Addison D	11	TSC	1:34.66
15 Sousa, Mina	11	TSC	1:35.24
16 Levinter, Loah A	11	TSC	1:37.84
17 Beaton, Kristina V	11	TSC	1:39.19
18 Koschmider, Sigrid L	11	TSC	1:40.88
19 Fofana, Malaika R	11	TSC	1:41.79
20 Stok, Ava E	11	TSC	1:45.95
21 Stitt, Elena A	11	TSC	1:47.14
22 White, Zoey B	11	TSC	1:50.19
23 Bay, Summer M	11	TSC	1:54.83
24 Brown, Amelia L	11	TSC	1:57.71
25 Ashat, Aria W	11	TSC	1:57.87
26 Blakely, Beau R	11	TSC	2:01.76
27 Kislenco, Katya A	11	TSC	2:08.12
28 Takavarasha, Una C	11	TSC	2:15.34
29 Ojaghi Haghighi, Seler	11	TSC	2:27.88
30 McFarlane, Brylan M	11	TSC	2:29.23
--- Li, Gloria N	11	TSC	DQ
--- Polci, Maya	11	GGST	DQ
--- Furlong, Quinn A	11	TSC	DQ

Girls 11 50 Meter Breast

Name	Age	Team	Finals Time
1 Levy, Romy M	11	TSC	40.98
2 Gundy, Penny J	11	TSC	46.29
3 Fofana, Malaika R	11	TSC	48.51
4 Brady, Addy H	11	TSC	48.98
5 Goddard, Petra L	11	TSC	49.52
6 Peace, Margot F	11	TSC	51.58
7 Stok, Ava E	11	TSC	52.77
8 Kuske, Avery	11	GGST	52.83
9 Bay, Summer M	11	TSC	52.96
10 White, Zoey B	11	TSC	53.07
11 Wang, Olivia	11	GGST	53.19
12 Sala, Manuela V	11	TSC	54.76
13 Feilchenfeld, Abby C	11	TSC	56.83
14 Stitt, Elena A	11	TSC	56.94
*15 Takavarasha, Una C	11	TSC	59.32
*15 Li, Gloria N	11	TSC	59.32
17 Blakely, Beau R	11	TSC	59.85
18 Kislenco, Katya A	11	TSC	1:03.79
19 Drimmer, Ella	11	GGST	1:05.36

20 New, Astrid	11	GGST	1:05.55
21 McFarlane, Brylan M	11	TSC	1:07.15
22 Ojaghi Haghighi, Seler	11	TSC	1:09.90

Girls 11 100 Meter Breast

Name	Age	Team	Finals Time
1 Sitter, Isla M	11	TSC	1:38.54
2 Jordan, Anna H	11	TSC	1:40.33
3 Nason, Zoe H	11	TSC	1:41.30
4 Ricarti, Rafaela N	11	TSC	1:41.81
5 Levinter, Loah A	11	TSC	1:41.89
6 Beaton, Kristina V	11	TSC	1:46.13
7 Fagerstroem, Quinn E	11	TSC	1:46.44
8 Dickie, Isla	11	GGST	1:47.22
9 Matviyenko-Rizopoul	11	TSC	1:47.50
10 Sousa, Mina	11	TSC	1:47.69
11 Kendrew, Calista R	11	TSC	1:48.73
12 Fofana, Malaika R	11	TSC	1:49.01
13 Furlong, Quinn A	11	TSC	1:49.87
14 Huang, Megan	11	TSC	1:50.45
15 Kuske, Avery	11	GGST	1:52.90
16 Koschmider, Sigrid L	11	TSC	1:53.77
17 Stok, Ava E	11	TSC	1:54.41
18 Peace, Margot F	11	TSC	1:54.70
19 Sala, Manuela V	11	TSC	1:55.03
20 White, Zoey B	11	TSC	1:57.59
21 Wang, Olivia	11	GGST	1:59.23
22 Thomas, Addison D	11	TSC	2:01.94
23 Ashat, Aria W	11	TSC	2:02.21
24 Bay, Summer M	11	TSC	2:02.44
25 Stitt, Elena A	11	TSC	2:03.91
26 Feilchenfeld, Abby C	11	TSC	2:06.44
27 Kassabian, Valerie L	11	TSC	2:11.39
28 Blakely, Beau R	11	TSC	2:12.17
29 Takavarasha, Una C	11	TSC	2:12.56
30 Li, Gloria N	11	TSC	2:13.06
31 Kislenco, Katya A	11	TSC	2:17.38
32 McFarlane, Brylan M	11	TSC	2:20.49
33 Ojaghi Haghighi, Seler	11	TSC	2:34.16

Girls 11 50 Meter Fly

Name	Age	Team	Finals Time
1 Gundy, Penny J	11	TSC	35.11
2 Fagerstroem, Quinn E	11	TSC	35.38
3 Levy, Romy M	11	TSC	36.56
4 Brady, Addy H	11	TSC	36.96
5 Levinter, Loah A	11	TSC	40.07
6 Ricarti, Rafaela N	11	TSC	40.32
7 Huang, Megan	11	TSC	41.01
8 Matviyenko-Rizopoul	11	TSC	41.95
9 Nason, Zoe H	11	TSC	42.04
10 Sousa, Mina	11	TSC	43.12
11 Goddard, Petra L	11	TSC	43.34
12 Jordan, Anna H	11	TSC	44.73
13 Sala, Manuela V	11	TSC	48.10
14 Thomas, Addison D	11	TSC	48.58
15 Furlong, Quinn A	11	TSC	48.71
16 Feilchenfeld, Abby C	11	TSC	49.86

17 Demaso, Paloma N	11	TSC	50.17
18 Wang, Olivia	11	GGST	50.63
19 Polci, Maya	11	GGST	50.88
20 Brown, Amelia L	11	TSC	57.57
21 Drimmer, Ella	11	GGST	1:00.52
22 New, Astrid	11	GGST	1:09.68

Girls 11 100 Meter Fly

Name	Age	Team	Finals Time
1 Tiu, Victoria	11	TORCH	1:32.63

Girls 11 100 Meter IM

Name	Age	Team	Finals Time
1 Levy, Romy M	11	TSC	1:21.19
2 Gundy, Penny J	11	TSC	1:25.55
3 Brady, Addy H	11	TSC	1:26.39
4 Tiu, Victoria	11	TORCH	1:26.87
5 Fagerstroem, Quinn E	11	TSC	1:27.72
6 Matviyenko-Rizopoul	11	TSC	1:28.74
7 Sitter, Isla M	11	TSC	1:28.85
8 Kendrew, Calista R	11	TSC	1:29.22
9 Ricarti, Rafaela N	11	TSC	1:29.61
10 Levinter, Loah A	11	TSC	1:31.12
11 Huang, Megan	11	TSC	1:31.93
12 Jordan, Anna H	11	TSC	1:32.60
13 Nason, Zoe H	11	TSC	1:32.64
14 Goddard, Petra L	11	TSC	1:33.24
15 Sousa, Mina	11	TSC	1:34.61
16 Beaton, Kristina V	11	TSC	1:35.74
17 Furlong, Quinn A	11	TSC	1:37.17
18 Thomas, Addison D	11	TSC	1:37.40
19 Dickie, Isla	11	GGST	1:38.01
20 Fofana, Malaika R	11	TSC	1:38.45
21 Koschmider, Sigrid L	11	TSC	1:42.55
22 Peace, Margot F	11	TSC	1:43.20
23 Stok, Ava E	11	TSC	1:45.54
24 Sala, Manuela V	11	TSC	1:46.52
25 White, Zoey B	11	TSC	1:47.20
26 Stitt, Elena A	11	TSC	1:47.73
27 Feilchenfeld, Abby C	11	TSC	1:51.44
28 Ashat, Aria W	11	TSC	1:53.85
29 Brown, Amelia L	11	TSC	1:58.06
30 Kassabian, Valerie L	11	TSC	2:03.28
--- Polci, Maya	11	GGST	DQ

Girls 12 50 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time
1 Andrews, Poppy J	12	TSC	29.47
2 Thornley, Daniela M	12	TSC	30.43
3 Pun, Chloe	12	TORCH	30.69
4 Ebli, Lennan A	12	TSC	30.91
5 Nam, Elaine	12	TSC	31.51
6 Mildenberger, Kaitlyn	12	TSC	31.52
7 Church, Teagan M	12	TSC	31.53
8 Au, Beatrice	12	TORCH	31.65
9 Wehner, Aurora L	12	TSC	32.03
10 Herrington, Esli Y	12	TSC	32.22
11 Franzoi, Siena S	12	TSC	32.35

2023 Downtown Sprint Meet - 10/20/2023 to 10/22/2023

Results

(Girls 12 50 Meter Free)

12	Leung, Ali	12	TSC	32.55
13	Zheng, Tong	12	TSC	32.61
14	Brasseur, Ella	12	GGST	33.66
15	Woodcock, Emelia	12	GGST	34.38
16	Shahrokhi, Zoé A	12	TSC	34.50
17	Harberg, Helen S	12	TSC	34.79
18	Green, Tessa J	12	TSC	35.17
19	Forst, Sidney	12	TSC	35.52
20	Liu, Elsa	12	TSC	35.85
21	Berenbaum, Khloe S	12	TSC	36.19
22	Harwood, Lauren	12	GGST	36.48
23	Leclerc, Arielle	12	TORCH	36.62
24	Eylon, Mila E	12	TSC	36.64
25	Kandasamy, Asha K	12	TSC	37.47
26	Ye, Cici	12	TSC	37.54
27	Scott-Jost, Monique E	12	TSC	37.67
28	D'Alessandro, Ava	12	TSC	38.02
29	Kumar, Amaya	12	TSC	38.20
30	Law, Erica W	12	TSC	38.41
31	Singleton, Agnes L	12	TSC	38.59
32	Aggarwal, Natalie	12	GGST	40.16
33	Khan, Rumaisa J	12	TSC	40.64
34	Anderson, Mila D	12	TSC	41.81
35	Walsh, Lilah	12	GGST	42.85
36	Jamal, Alisha D	12	TSC	43.36
37	Singh, Ava	12	GGST	46.34
38	Mandelbaum, Noa B	12	TSC	46.91
39	Freeman, Charlotte	12	GGST	48.21

Girls 12 100 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Andrews, Poppy J	12	TSC	1:05.35
2	Pun, Chloe	12	TORCH	1:06.28
3	Au, Beatrice	12	TORCH	1:07.99
4	Grivas, Naya	12	TORCH	1:12.95
5	Welsh, Evelyn	12	TORCH	1:13.30
6	Deng, Brianna	12	TORCH	1:13.35
7	Brasseur, Ella	12	GGST	1:13.78
8	Woodcock, Emelia	12	GGST	1:15.12
9	Shahrokhi, Zoé A	12	TSC	1:15.58
10	Opacic, Sara	12	TORCH	1:16.22
11	Leclerc, Arielle	12	TORCH	1:17.81
12	Green, Tessa J	12	TSC	1:18.07
13	Harwood, Lauren	12	GGST	1:18.39
14	Harberg, Helen S	12	TSC	1:18.61
15	D'Alessandro, Ava	12	TSC	1:21.84
16	Scott-Jost, Monique E	12	TSC	1:22.10
17	Liu, Elsa	12	TSC	1:23.08
18	Eylon, Mila E	12	TSC	1:23.18
19	Ye, Cici	12	TSC	1:23.58
20	Kandasamy, Asha K	12	TSC	1:24.02
21	Kumar, Amaya	12	TSC	1:25.25
22	Singleton, Agnes L	12	TSC	1:27.06
23	Law, Erica W	12	TSC	1:29.09
24	Khan, Rumaisa J	12	TSC	1:31.49
25	Jamal, Alisha D	12	TSC	1:32.01

26	Aggarwal, Natalie	12	GGST	1:34.64
27	Anderson, Mila D	12	TSC	1:37.69
28	Walsh, Lilah	12	GGST	1:39.66
29	Singh, Ava	12	GGST	1:43.85
30	Mandelbaum, Noa B	12	TSC	1:46.86
---	Freeman, Charlotte	12	GGST	DQ

Girls 12 200 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Au, Beatrice	12	TORCH	2:27.99
2	Pun, Chloe	12	TORCH	2:28.09
3	Grivas, Naya	12	TORCH	2:36.62
4	Welsh, Evelyn	12	TORCH	2:37.19
5	Leclerc, Arielle	12	TORCH	2:40.90
6	Deng, Brianna	12	TORCH	2:44.58
7	Opacic, Sara	12	TORCH	2:46.09
8	Shahrokhi, Zoé A	12	TSC	2:48.53
9	Green, Tessa J	12	TSC	2:56.51
10	Harberg, Helen S	12	TSC	2:59.11
11	Eylon, Mila E	12	TSC	3:01.45
12	Liu, Elsa	12	TSC	3:04.76
13	Kandasamy, Asha K	12	TSC	3:05.38
14	Ye, Cici	12	TSC	3:08.67
15	D'Alessandro, Ava	12	TSC	3:11.01
16	Kumar, Amaya	12	TSC	3:11.80
17	Law, Erica W	12	TSC	3:18.24
18	Jamal, Alisha D	12	TSC	3:22.84
19	Singleton, Agnes L	12	TSC	3:25.21
20	Anderson, Mila D	12	TSC	3:50.09
21	Mandelbaum, Noa B	12	TSC	3:58.20

Girls 12 50 Meter Back

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Wehner, Aurora L	12	TSC	35.16
2	Thornley, Daniela M	12	TSC	35.41
3	Opacic, Sara	12	TORCH	36.38
4	Church, Teagan M	12	TSC	36.43
5	Welsh, Evelyn	12	TORCH	36.65
6	Nam, Elaine	12	TSC	36.68
7	Ebli, Lennan A	12	TSC	36.71
8	Andrews, Poppy J	12	TSC	36.77
9	Franzoi, Siena S	12	TSC	37.26
10	Herrington, Esli Y	12	TSC	38.13
11	Zheng, Tong	12	TSC	38.31
12	Mildenberger, Kaitlyn	12	TSC	38.36
13	Leung, Ali	12	TSC	38.69
14	Brasseur, Ella	12	GGST	39.77
15	Harwood, Lauren	12	GGST	41.09
16	Woodcock, Emelia	12	GGST	41.28
17	Forst, Sidney	12	TSC	43.18
18	Aggarwal, Natalie	12	GGST	48.12
19	Singh, Ava	12	GGST	53.01
20	Freeman, Charlotte	12	GGST	56.82

Girls 12 100 Meter Back

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Pun, Chloe	12	TORCH	1:15.01
2	Thornley, Daniela M	12	TSC	1:15.28

3	Wehner, Aurora L	12	TSC	1:17.72
4	Au, Beatrice	12	TORCH	1:17.94
5	Ebli, Lennan A	12	TSC	1:18.03
6	Franzoi, Siena S	12	TSC	1:18.74
7	Nam, Elaine	12	TSC	1:18.99
8	Welsh, Evelyn	12	TORCH	1:19.02
9	Herrington, Esli Y	12	TSC	1:21.47
10	Mildenberger, Kaitlyn	12	TSC	1:22.34
11	Opacic, Sara	12	TORCH	1:22.45
12	Leung, Ali	12	TSC	1:23.28
13	Church, Teagan M	12	TSC	1:23.29
14	Brasseur, Ella	12	GGST	1:24.38
15	Zheng, Tong	12	TSC	1:25.17
16	Grivas, Naya	12	TORCH	1:25.44
17	Leclerc, Arielle	12	TORCH	1:25.61
18	Harberg, Helen S	12	TSC	1:26.57
19	Deng, Brianna	12	TORCH	1:26.89
20	Harwood, Lauren	12	GGST	1:30.15
21	Liu, Elsa	12	TSC	1:30.36
22	Woodcock, Emelia	12	GGST	1:30.76
23	Forst, Sidney	12	TSC	1:30.95
24	Kandasamy, Asha K	12	TSC	1:32.27
25	Green, Tessa J	12	TSC	1:34.30
26	Law, Erica W	12	TSC	1:36.16
27	Eylon, Mila E	12	TSC	1:36.18
28	Kumar, Amaya	12	TSC	1:37.07
29	D'Alessandro, Ava	12	TSC	1:37.57
30	Ye, Cici	12	TSC	1:43.37
31	Singleton, Agnes L	12	TSC	1:46.69
32	Anderson, Mila D	12	TSC	1:51.19
33	Jamal, Alisha D	12	TSC	1:51.72
34	Khan, Rumaisa J	12	TSC	1:58.86
---	Mandelbaum, Noa B	12	TSC	DQ

Girls 12 50 Meter Breast

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Andrews, Poppy J	12	TSC	36.52
2	Thornley, Daniela M	12	TSC	37.95
3	Wehner, Aurora L	12	TSC	39.52
4	Shahrokhi, Zoé A	12	TSC	40.56
5	Herrington, Esli Y	12	TSC	41.69
6	Zheng, Tong	12	TSC	42.26
7	Ebli, Lennan A	12	TSC	42.30
8	Nam, Elaine	12	TSC	42.52
9	Forst, Sidney	12	TSC	42.71
10	Franzoi, Siena S	12	TSC	42.95
11	Leung, Ali	12	TSC	43.08
12	Mildenberger, Kaitlyn	12	TSC	44.30
13	Church, Teagan M	12	TSC	44.34
14	Aggarwal, Natalie	12	GGST	49.72
15	Walsh, Lilah	12	GGST	51.78
16	Singh, Ava	12	GGST	55.50
---	Freeman, Charlotte	12	GGST	DQ

Girls 12 100 Meter Breast

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Grivas, Naya	12	TORCH	1:31.88
2	Shahrokhi, Zoé A	12	TSC	1:32.11

2023 Downtown Sprint Meet - 10/20/2023 to 10/22/2023

Results

(Girls 12 100 Meter Breast)

3	Au, Beatrice	12	TORCH	1:32.15
4	Brasseur, Ella	12	GGST	1:33.13
5	Harwood, Lauren	12	GGST	1:36.19
6	Leclerc, Arielle	12	TORCH	1:39.29
7	Ye, Cici	12	TSC	1:40.15
8	Harberg, Helen S	12	TSC	1:40.71
9	Deng, Brianna	12	TORCH	1:40.74
10	Kandasamy, Asha K	12	TSC	1:41.40
11	Opacic, Sara	12	TORCH	1:42.43
12	Liu, Elsa	12	TSC	1:43.64
13	Welsh, Evelyn	12	TORCH	1:43.99
14	Woodcock, Emelia	12	GGST	1:46.91
15	Eylon, Mila E	12	TSC	1:49.60
16	Berenbaum, Khloe S	12	TSC	1:50.14
17	Scott-Jost, Monique E	12	TSC	1:50.28
18	Green, Tessa J	12	TSC	1:50.54
19	Khan, Rumaisa J	12	TSC	1:53.50
20	Walsh, Lilah	12	GGST	1:56.32
21	Singleton, Agnes L	12	TSC	1:56.79
22	Kumar, Amaya	12	TSC	1:57.32
*23	Anderson, Mila D	12	TSC	1:59.01
*23	D'Alessandro, Ava	12	TSC	1:59.01
25	Law, Erica W	12	TSC	1:59.23
26	Jamal, Alisha D	12	TSC	2:02.17
27	Mandelbaum, Noa B	12	TSC	2:12.91
---	Freeman, Charlotte	12	GGST	DQ

Girls 12 50 Meter Fly

Name	Age	Team	Finals Time
1	Thornley, Daniela M	12 TSC	32.86
2	Ebli, Lennan A	12 TSC	34.05
3	Andrews, Poppy J	12 TSC	34.21
4	Wehner, Aurora L	12 TSC	34.62
5	Nam, Elaine	12 TSC	35.34
6	Herrington, Esli Y	12 TSC	35.59
7	Zheng, Tong	12 TSC	35.73
8	Franzoi, Siena S	12 TSC	36.23
9	Church, Teagan M	12 TSC	36.26
10	Mildenberger, Kaitlyn	12 TSC	36.75
11	Leung, Ali	12 TSC	39.60
12	Woodcock, Emelia	12 GGST	40.81
13	Forst, Sidney	12 TSC	40.88
14	Brasseur, Ella	12 GGST	42.62
15	Harwood, Lauren	12 GGST	44.41
16	Walsh, Lilah	12 GGST	53.08
17	Singh, Ava	12 GGST	1:11.09
---	Freeman, Charlotte	12 GGST	DQ
---	Aggarwal, Natalie	12 GGST	DQ

Girls 12 100 Meter Fly

Name	Age	Team	Finals Time
1	Pun, Chloe	12 TORCH	1:19.14
2	Au, Beatrice	12 TORCH	1:23.22
3	Grivas, Naya	12 TORCH	1:32.15
4	Deng, Brianna	12 TORCH	1:36.54

Girls 12 100 Meter IM

Name	Age	Team	Finals Time
1	Thornley, Daniela M	12 TSC	1:14.05
2	Wehner, Aurora L	12 TSC	1:14.75
3	Andrews, Poppy J	12 TSC	1:16.67
4	Pun, Chloe	12 TORCH	1:18.04
5	Nam, Elaine	12 TSC	1:19.26
6	Herrington, Esli Y	12 TSC	1:20.15
7	Ebli, Lennan A	12 TSC	1:20.18
8	Zheng, Tong	12 TSC	1:21.17
9	Church, Teagan M	12 TSC	1:22.38
10	Franzoi, Siena S	12 TSC	1:22.65
11	Mildenberger, Kaitlyn	12 TSC	1:23.97
12	Leung, Ali	12 TSC	1:24.52
13	Welsh, Evelyn	12 TORCH	1:24.84
14	Grivas, Naya	12 TORCH	1:25.66
15	Deng, Brianna	12 TORCH	1:26.82
*16	Opacic, Sara	12 TORCH	1:27.76
*16	Forst, Sidney	12 TSC	1:27.76
18	Harberg, Helen S	12 TSC	1:28.73
19	Leclerc, Arielle	12 TORCH	1:29.32
20	Shahrokhi, Zoé A	12 TSC	1:30.62
21	Green, Tessa J	12 TSC	1:30.95
22	Eylon, Mila E	12 TSC	1:34.55
23	Liu, Elsa	12 TSC	1:35.54
24	Kandasamy, Asha K	12 TSC	1:35.67
25	Ye, Cici	12 TSC	1:37.56
26	Law, Erica W	12 TSC	1:39.24
27	Kumar, Amaya	12 TSC	1:39.96
28	Scott-Jost, Monique E	12 TSC	1:39.97
29	Aggarwal, Natalie	12 GGST	1:44.12
30	D'Alessandro, Ava	12 TSC	1:44.25
31	Singleton, Agnes L	12 TSC	1:46.70
32	Anderson, Mila D	12 TSC	1:48.16
33	Jamal, Alisha D	12 TSC	1:50.36
34	Walsh, Lilah	12 GGST	1:50.42
35	Singh, Ava	12 GGST	1:58.35
36	Mandelbaum, Noa B	12 TSC	2:03.20
---	Khan, Rumaisa J	12 TSC	DQ

Girls 13 50 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time
1	Rattee, Zoe M	13 TSC	28.73
2	Wells, Ingrid	13 GGST	28.74
3	Schmidt, Isabella	13 TORCH	29.37
4	Vijayaraghavan, Rach	13 GGST	29.68
*5	Lo, Audrey K	13 TSC	30.03
*5	Dickie, Maelle	13 GGST	30.03
7	Lee, Chloe	13 TORCH	30.31
8	Do, Riley A	13 TSC	31.40
9	Sanchez, Celina	13 TORCH	31.58
10	Campbell, Blue M	13 TSC	31.80
11	Grootveld, Sam	13 TSC	32.01
12	Finnie, Karah M	13 TSC	32.08
13	Nayda, Amalia	13 TSC	32.51
14	Tran, Kloe	13 TORCH	32.61
15	Huang, Emma	13 TSC	32.63

16	Mansfield, Alexis	13 TORCH	32.99
17	Butler, Evelyn	13 GGST	33.01
18	McGilvray, Erin D	13 TSC	33.08
19	MacDougall, Perry G	13 TSC	33.12
20	Tran, Cassidy	13 TORCH	33.20
21	Bebbington, Hadley E	13 TSC	33.44
22	Cellarius, Juliet B	13 TSC	33.50
23	Douboulidis, Emma	13 TORCH	33.85
24	Fuchs, Avery K	13 TSC	34.22
25	Wong, Maddie E	13 TSC	34.59
26	Zolfaghari, Eva R	13 TSC	34.80
27	Bratman, Marion K	13 TSC	35.15
28	Mousavifar, Ava	13 GGST	35.19
29	Ansari, Layla	13 GGST	35.76
30	Littler, Claire M	13 TSC	35.92
31	Wu, Sophie	13 GGST	36.36
32	Finkelstein, Lily O	13 TSC	36.41
33	Weinberg, Gabi H	13 TSC	36.52
34	Chesztes, Raquel	13 TSC	36.65
35	Gomez, Naora	13 GGST	38.11

Girls 13 100 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time
1	Rattee, Zoe M	13 TSC	1:01.35
2	Vijayaraghavan, Rach	13 GGST	1:02.28
3	Wells, Ingrid	13 GGST	1:02.60
4	Schmidt, Isabella	13 TORCH	1:03.98
5	Lee, Chloe	13 TORCH	1:05.00
6	Lo, Audrey K	13 TSC	1:05.20
7	Dickie, Maelle	13 GGST	1:05.93
8	Sanchez, Celina	13 TORCH	1:07.84
9	Lowe-Ching, Abigail	13 TORCH	1:09.70
10	Douboulidis, Emma	13 TORCH	1:10.92
11	Tran, Cassidy	13 TORCH	1:11.34
12	Tran, Kloe	13 TORCH	1:12.08
13	Mansfield, Alexis	13 TORCH	1:12.40
14	Fuchs, Avery K	13 TSC	1:14.56
15	Mousavifar, Ava	13 GGST	1:14.89
16	Bratman, Marion K	13 TSC	1:15.56
17	Butler, Evelyn	13 GGST	1:15.79
18	MacDougall, Perry G	13 TSC	1:15.98
19	Finkelstein, Lily O	13 TSC	1:17.45
20	Wong, Maddie E	13 TSC	1:18.17
21	Zolfaghari, Eva R	13 TSC	1:18.88
22	Littler, Claire M	13 TSC	1:19.27
23	Weinberg, Gabi H	13 TSC	1:19.58
24	Scurfield, Sabine M	13 TSC	1:20.65
25	Lee, Mikayla	13 TORCH	1:22.00
26	Chesztes, Raquel	13 TSC	1:23.12
27	Gomez, Naora	13 GGST	1:23.17
28	Ansari, Layla	13 GGST	1:25.47
29	Wu, Sophie	13 GGST	1:26.61

Girls 13 200 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time
1	Rattee, Zoe M	13 TSC	2:13.44
2	Schmidt, Isabella	13 TORCH	2:18.48
3	Lee, Chloe	13 TORCH	2:25.12

2023 Downtown Sprint Meet - 10/20/2023 to 10/22/2023

Results

(Girls 13 200 Meter Free)

4	Sanchez, Celina	13	TORCH	2:28.73
5	Lowe-Ching, Abigail	13	TORCH	2:31.24
6	Douboulidis, Emma	13	TORCH	2:33.72
7	Tran, Cassidy	13	TORCH	2:35.82
8	Mansfield, Alexis	13	TORCH	2:37.82
9	Tran, Kloe	13	TORCH	2:43.07
10	Bratman, Marion K	13	TSC	2:44.30
11	Wong, Maddie E	13	TSC	2:49.11
12	Fuchs, Avery K	13	TSC	2:51.61
13	Weinberg, Gabi H	13	TSC	2:57.31
14	Littler, Claire M	13	TSC	2:58.00
15	Finkelstein, Lily O	13	TSC	2:58.12
16	Lee, Mikayla	13	TORCH	2:58.46
17	Scurfield, Sabine M	13	TSC	3:00.33
18	Zolfaghari, Eva R	13	TSC	3:03.39
19	Cheszes, Raquel	13	TSC	3:04.95
20	MacDougall, Perry G	13	TSC	3:05.02

Girls 13 50 Meter Back

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Wells, Ingrid	13	GGST	32.54
2	Dickie, Maelle	13	GGST	33.94
3	Lo, Audrey K	13	TSC	34.91
4	Vijayaraghavan, Rach	13	GGST	36.79
5	Campbell, Blue M	13	TSC	37.30
6	McGilvray, Erin D	13	TSC	37.65
7	Do, Riley A	13	TSC	38.56
8	Finnie, Karah M	13	TSC	38.80
9	Nayda, Amalia	13	TSC	38.97
10	Cellarius, Juliet B	13	TSC	39.39
11	Huang, Emma	13	TSC	40.40
12	Bebbington, Hadley E	13	TSC	40.89
13	Grootveld, Sam	13	TSC	41.54
14	Mousavifar, Ava	13	GGST	42.35
15	Gomez, Naora	13	GGST	42.53
16	Butler, Evelyn	13	GGST	42.79
17	Wu, Sophie	13	GGST	43.81
18	Ansari, Layla	13	GGST	45.66

Girls 13 100 Meter Back

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Wells, Ingrid	13	GGST	1:08.59
2	Dickie, Maelle	13	GGST	1:16.54
3	Vijayaraghavan, Rach	13	GGST	1:16.85
4	Wei, Alice	13	TSC	1:18.16
5	Do, Riley A	13	TSC	1:18.51
6	Campbell, Blue M	13	TSC	1:19.01
7	Lowe-Ching, Abigail	13	TORCH	1:19.36
8	McGilvray, Erin D	13	TSC	1:19.83
9	Huang, Emma	13	TSC	1:22.70
10	Cellarius, Juliet B	13	TSC	1:23.44
11	Finnie, Karah M	13	TSC	1:23.86
12	Nayda, Amalia	13	TSC	1:25.04
13	Douboulidis, Emma	13	TORCH	1:25.39
14	Bebbington, Hadley E	13	TSC	1:25.66
15	Tran, Cassidy	13	TORCH	1:25.69

16	Lee, Mikayla	13	TORCH	1:27.04
17	Littler, Claire M	13	TSC	1:28.84
18	Wong, Maddie E	13	TSC	1:28.96
19	Bratman, Marion K	13	TSC	1:29.72
20	Butler, Evelyn	13	GGST	1:29.81
21	Grootveld, Sam	13	TSC	1:30.24
22	Mousavifar, Ava	13	GGST	1:31.97
23	Gomez, Naora	13	GGST	1:32.27
24	MacDougall, Perry G	13	TSC	1:34.89
25	Finkelstein, Lily O	13	TSC	1:36.11
26	Wu, Sophie	13	GGST	1:36.12
27	Cheszes, Raquel	13	TSC	1:38.33
28	Fuchs, Avery K	13	TSC	1:40.13
29	Zolfaghari, Eva R	13	TSC	1:41.08
30	Scurfield, Sabine M	13	TSC	1:44.69
31	Weinberg, Gabi H	13	TSC	1:45.43

Girls 13 50 Meter Breast

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Lo, Audrey K	13	TSC	39.13
2	Cellarius, Juliet B	13	TSC	40.58
3	Tran, Kloe	13	TORCH	41.21
4	Finnie, Karah M	13	TSC	42.21
5	McGilvray, Erin D	13	TSC	42.59
6	Grootveld, Sam	13	TSC	44.03
7	Ansari, Layla	13	GGST	44.97
8	Campbell, Blue M	13	TSC	45.25
9	Nayda, Amalia	13	TSC	45.91
10	Huang, Emma	13	TSC	46.38
11	Bebbington, Hadley E	13	TSC	46.55
12	Do, Riley A	13	TSC	46.65
13	Wei, Alice	13	TSC	47.47

Girls 13 100 Meter Breast

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Dickie, Maelle	13	GGST	1:23.97
2	Wells, Ingrid	13	GGST	1:25.35
3	Lowe-Ching, Abigail	13	TORCH	1:25.71
4	Vijayaraghavan, Rach	13	GGST	1:30.10
5	Tran, Cassidy	13	TORCH	1:31.66
6	Sanchez, Celina	13	TORCH	1:32.53
7	Tran, Kloe	13	TORCH	1:33.78
8	Douboulidis, Emma	13	TORCH	1:38.26
9	Bratman, Marion K	13	TSC	1:39.55
10	Fuchs, Avery K	13	TSC	1:40.09
11	Wu, Sophie	13	GGST	1:41.44
12	Butler, Evelyn	13	GGST	1:41.93
13	Wong, Maddie E	13	TSC	1:43.09
14	Finkelstein, Lily O	13	TSC	1:43.13
15	Gomez, Naora	13	GGST	1:45.12
16	Littler, Claire M	13	TSC	1:45.91
17	Zolfaghari, Eva R	13	TSC	1:46.61
18	Mousavifar, Ava	13	GGST	1:48.27
19	Weinberg, Gabi H	13	TSC	1:54.80
20	Cheszes, Raquel	13	TSC	1:57.78
---	MacDougall, Perry G	13	TSC	DQ

Girls 13 50 Meter Fly

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Rattee, Zoe M	13	TSC	30.39
2	Wells, Ingrid	13	GGST	31.69
3	Dickie, Maelle	13	GGST	31.78
4	Schmidt, Isabella	13	TORCH	31.83
5	Lee, Chloe	13	TORCH	31.86
6	Vijayaraghavan, Rach	13	GGST	32.29
7	Lo, Audrey K	13	TSC	33.13
8	Sanchez, Celina	13	TORCH	34.86
9	Finnie, Karah M	13	TSC	34.98
10	Mansfield, Alexis	13	TORCH	35.74
11	Do, Riley A	13	TSC	35.94
12	Cellarius, Juliet B	13	TSC	37.01
13	Huang, Emma	13	TSC	37.13
14	Wei, Alice	13	TSC	38.29
15	McGilvray, Erin D	13	TSC	38.71
16	Grootveld, Sam	13	TSC	40.31
17	Bebbington, Hadley E	13	TSC	40.42
18	Campbell, Blue M	13	TSC	41.57
19	Ansari, Layla	13	GGST	42.51
20	Nayda, Amalia	13	TSC	42.74
21	Butler, Evelyn	13	GGST	43.58
22	Wu, Sophie	13	GGST	44.03
23	Gomez, Naora	13	GGST	47.33
24	Mousavifar, Ava	13	GGST	47.65

Girls 13 100 Meter Fly

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Rattee, Zoe M	13	TSC	1:08.01
2	Schmidt, Isabella	13	TORCH	1:10.14
3	Lee, Chloe	13	TORCH	1:10.80
4	Lowe-Ching, Abigail	13	TORCH	1:20.40
5	Mansfield, Alexis	13	TORCH	1:21.96
6	Douboulidis, Emma	13	TORCH	1:25.76
7	Tran, Kloe	13	TORCH	1:32.42

Girls 13 100 Meter IM

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Rattee, Zoe M	13	TSC	1:10.91
2	Schmidt, Isabella	13	TORCH	1:12.53
3	Lo, Audrey K	13	TSC	1:14.73
4	Lowe-Ching, Abigail	13	TORCH	1:17.59
5	Lee, Chloe	13	TORCH	1:18.24
6	Sanchez, Celina	13	TORCH	1:18.83
7	Finnie, Karah M	13	TSC	1:19.95
8	Tran, Cassidy	13	TORCH	1:22.85
9	McGilvray, Erin D	13	TSC	1:22.87
10	Bebbington, Hadley E	13	TSC	1:23.46
11	Do, Riley A	13	TSC	1:23.86
12	Cellarius, Juliet B	13	TSC	1:24.01
13	Campbell, Blue M	13	TSC	1:24.05
14	Mansfield, Alexis	13	TORCH	1:25.13
15	Nayda, Amalia	13	TSC	1:25.15
16	Huang, Emma	13	TSC	1:25.16
17	Wong, Maddie E	13	TSC	1:26.08
18	Grootveld, Sam	13	TSC	1:27.91

2023 Downtown Sprint Meet - 10/20/2023 to 10/22/2023

Results

(Girls 13 100 Meter IM)

Name	Age	Team	Finals Time
19 Bratman, Marion K	13	TSC	1:30.63
20 Fuchs, Avery K	13	TSC	1:32.47
21 MacDougall, Perry G	13	TSC	1:32.61
22 Finkelstein, Lily O	13	TSC	1:32.78
23 Zolfaghari, Eva R	13	TSC	1:34.35
24 Littler, Claire M	13	TSC	1:35.89
25 Ansari, Layla	13	GGST	1:37.65
26 Cheszes, Raquel	13	TSC	1:39.20
27 Weinberg, Gabi H	13	TSC	1:42.68

Girls 14 25 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time
1 Stepanoff, Paige M	14	TSC	13.49
2 Young, Sophia A	14	TSC	13.64
3 Schofield, Sophie L	14	TSC	13.73
4 Munnik, Blaze A	14	TSC	14.09
5 Greenberg, Sara	14	TSC	14.40
6 Platteel, Evelyn J	14	TSC	14.56
7 Costa, Claudia S	14	TSC	14.69
8 Hind, Claire	14	GGST	14.86
9 Phelps, Avery J	14	TSC	14.92
10 Shulman, Ada E	14	TSC	15.42
11 Marks, Hanna P	14	TSC	15.49
12 Fofana, Izara B	14	TSC	15.58
13 Moncayo, Michaela A	14	TSC	15.63
14 Yung, Paris	14	TSC	15.64
15 Hacı, Lea	14	TSC	15.70
16 Figueroa, Geneva J	14	TSC	15.87
17 Zawadzki, Annie E	14	TSC	16.03
18 Wagstaff, Kate A	14	TSC	16.98
19 Bird, Tayla K	14	TSC	17.00

Girls 14 100 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time
1 Stepanoff, Paige M	14	TSC	59.08
2 Young, Sophia A	14	TSC	59.81
3 Sisley, Stephanie	14	GGST	1:03.67
4 Munnik, Blaze A	14	TSC	1:03.85
5 Greenberg, Sara	14	TSC	1:03.89
6 Schofield, Sophie L	14	TSC	1:04.33
7 Coull, Chloe	14	GGST	1:05.55
8 Hind, Claire	14	GGST	1:08.10
9 Guthrie, Maddie	14	GGST	1:08.35
10 Platteel, Evelyn J	14	TSC	1:08.50
11 Sclater, Charlotte	14	GGST	1:08.56
12 Hacı, Lea	14	TSC	1:09.54
13 Yung, Paris	14	TSC	1:10.13
14 Fofana, Izara B	14	TSC	1:11.04
15 Shulman, Ada E	14	TSC	1:11.77
16 MacLean, Poppy S	14	TSC	1:14.03
17 Moncayo, Michaela A	14	TSC	1:14.79
18 Wagstaff, Lottie J	14	TSC	1:15.13
19 Figueroa, Geneva J	14	TSC	1:15.83
20 Amaral, Sophia	14	GGST	1:17.07
21 Zawadzki, Annie E	14	TSC	1:19.58

Girls 14 200 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time
1 Stepanoff, Paige M	14	TSC	2:09.22
2 Wielowieyski, Olivia	14	MSSAC	2:20.90
3 Sisley, Stephanie	14	GGST	2:24.78
4 Coull, Chloe	14	GGST	2:25.23
5 Sclater, Charlotte	14	GGST	2:30.55
6 Guthrie, Maddie	14	GGST	2:31.85
7 Yung, Paris	14	TSC	2:38.64
8 Shulman, Ada E	14	TSC	2:40.39
9 Phelps, Avery J	14	TSC	2:42.66
10 Costa, Claudia S	14	TSC	2:48.70
11 Figueroa, Geneva J	14	TSC	2:53.93
12 Vianna, Maya P	14	TSC	2:57.75
13 Amaral, Sophia	14	GGST	3:01.53
14 Chen, Elisha J	14	TSC	3:02.35
15 Wagstaff, Kate A	14	TSC	3:03.41

Girls 14 50 Meter Back

Name	Age	Team	Finals Time
1 Stepanoff, Paige M	14	TSC	31.17
2 Young, Sophia A	14	TSC	31.67
3 Coull, Chloe	14	GGST	32.17
4 Sisley, Stephanie	14	GGST	33.57
5 Guthrie, Maddie	14	GGST	35.49
6 Schofield, Sophie L	14	TSC	35.75
7 Sclater, Charlotte	14	GGST	36.17
8 Moncayo, Michaela A	14	TSC	37.27
9 Yung, Paris	14	TSC	37.53
10 Amaral, Sophia	14	GGST	37.86
11 Hind, Claire	14	GGST	37.93
12 Wagstaff, Lottie J	14	TSC	38.39
13 MacLean, Poppy S	14	TSC	39.62

Girls 14 100 Meter Back

Name	Age	Team	Finals Time
1 Munnik, Blaze A	14	TSC	1:11.71
2 Coull, Chloe	14	GGST	1:11.72
3 Ironside, Sophie	14	MSSAC	1:13.82
4 Sisley, Stephanie	14	GGST	1:14.45
5 Guthrie, Maddie	14	GGST	1:15.31
6 Schofield, Sophie L	14	TSC	1:17.11
7 Wielowieyski, Olivia	14	MSSAC	1:17.45
8 Platteel, Evelyn J	14	TSC	1:18.84
9 Hind, Claire	14	GGST	1:18.85
10 Greenberg, Sara	14	TSC	1:19.13
11 Sclater, Charlotte	14	GGST	1:21.22
12 Phelps, Avery J	14	TSC	1:21.45
*13 Yung, Paris	14	TSC	1:21.68
*13 Moncayo, Michaela A	14	TSC	1:21.68
15 Hacı, Lea	14	TSC	1:23.18
16 Fofana, Izara B	14	TSC	1:23.46
17 Wagstaff, Lottie J	14	TSC	1:26.08
18 Shulman, Ada E	14	TSC	1:26.31
19 Amaral, Sophia	14	GGST	1:26.89
20 Marks, Hanna P	14	TSC	1:28.29
21 Chen, Elisha J	14	TSC	1:29.72

22 Zawadzki, Annie E	14	TSC	1:31.90
23 Vianna, Maya P	14	TSC	1:34.79

Girls 14 200 Meter Back

Name	Age	Team	Finals Time
1 Stepanoff, Paige M	14	TSC	2:24.59

Girls 14 50 Meter Breast

Name	Age	Team	Finals Time
1 Wielowieyski, Olivia	14	MSSAC	38.80
2 Ironside, Sophie	14	MSSAC	38.85
3 Young, Sophia A	14	TSC	39.15
4 Stepanoff, Paige M	14	TSC	39.33
5 Sisley, Stephanie	14	GGST	39.35
6 Platteel, Evelyn J	14	TSC	39.60
7 Munnik, Blaze A	14	TSC	39.88
8 Figueroa, Geneva J	14	TSC	40.82
9 Schofield, Sophie L	14	TSC	40.85
10 Guthrie, Maddie	14	GGST	41.36
*11 Greenberg, Sara	14	TSC	41.49
*11 Coull, Chloe	14	GGST	41.49
13 Fofana, Izara B	14	TSC	42.87
14 Marks, Hanna P	14	TSC	43.54
15 Hind, Claire	14	GGST	43.65
16 Chen, Elisha J	14	TSC	43.79
17 Sclater, Charlotte	14	GGST	44.18
18 Amaral, Sophia	14	GGST	44.89
19 Moncayo, Michaela A	14	TSC	45.30
20 Wagstaff, Lottie J	14	TSC	45.34
21 Zawadzki, Annie E	14	TSC	45.88
22 Costa, Claudia S	14	TSC	46.25
23 Vianna, Maya P	14	TSC	46.31
24 Wagstaff, Kate A	14	TSC	50.00
25 Bird, Tayla K	14	TSC	52.04

Girls 14 100 Meter Breast

Name	Age	Team	Finals Time
1 Figueroa, Geneva J	14	TSC	1:29.61
2 Shulman, Ada E	14	TSC	1:36.41
3 Wagstaff, Lottie J	14	TSC	1:39.06
4 Zawadzki, Annie E	14	TSC	1:40.58

Girls 14 50 Meter Fly

Name	Age	Team	Finals Time
1 Young, Sophia A	14	TSC	30.37
2 Munnik, Blaze A	14	TSC	30.80
3 Sisley, Stephanie	14	GGST	31.75
4 Platteel, Evelyn J	14	TSC	34.00
5 Coull, Chloe	14	GGST	34.05
6 Greenberg, Sara	14	TSC	34.20
7 Hacı, Lea	14	TSC	34.96
8 Sclater, Charlotte	14	GGST	35.06
*9 Hind, Claire	14	GGST	35.42
*9 Fofana, Izara B	14	TSC	35.42
11 Guthrie, Maddie	14	GGST	36.16
12 Yung, Paris	14	TSC	36.21
13 Amaral, Sophia	14	GGST	37.58
14 Figueroa, Geneva J	14	TSC	41.08

2023 Downtown Sprint Meet - 10/20/2023 to 10/22/2023

Results

Girls 14 100 Meter Fly

Name	Age	Team	Finals Time
1 Young, Sophia A	14	TSC	1:07.23
2 Hacı, Lea	14	TSC	1:19.93

Girls 14 200 Meter IM

Name	Age	Team	Finals Time
1 Munnik, Blaze A	14	TSC	2:39.73
2 Schofield, Sophie L	14	TSC	2:41.87
3 Greenberg, Sara	14	TSC	2:45.96
4 Hacı, Lea	14	TSC	2:53.91
5 Platteel, Evelyn J	14	TSC	2:54.34
6 Moncayo, Michaela A	14	TSC	2:56.39
7 Fofana, Izara B	14	TSC	2:56.66

Girls 15 25 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time
1 Tigert, Leah L	15	TSC	12.70
2 Hudson, Beatrice S	15	TSC	13.58
3 Fagerstroem, Ginger (15	TSC	13.73
4 Crainford, Kaitlyn E	15	TSC	13.74
5 Janetos, Sophia	15	GGST	13.80
6 Muggerridge, Anne-Ma	15	TSC	14.06
7 Marcovitz, Ava L	15	TSC	14.24
8 Arhontoudis, Ava G	15	TSC	14.44
9 Rice, Isabel D	15	TSC	14.45
10 Kiel, Natalie J	15	TSC	14.58
11 Camps, Ava	15	TSC	14.63
12 Zmijak, Allie G	15	TSC	14.73
13 Fagon, Amaya A	15	TSC	14.82
14 White, Grace	15	GGST	15.03
15 Zimmerman, Waverly	15	TSC	15.43
16 Simoes, Victoria V	15	TSC	15.84

Girls 15 100 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time
1 Tigert, Leah L	15	TSC	57.16
2 Fagerstroem, Ginger (15	TSC	1:01.13
*3 Crainford, Kaitlyn E	15	TSC	1:02.71
*3 Safa, Jade	15	GGST	1:02.71
5 Ho, Tiyana	15	TORCH	1:03.72
6 Muggerridge, Anne-Ma	15	TSC	1:03.77
7 Janetos, Sophia	15	GGST	1:04.29
8 Kiel, Natalie J	15	TSC	1:04.53
9 Marcovitz, Ava L	15	TSC	1:04.82
10 Hudson, Beatrice S	15	TSC	1:04.83
11 Camps, Ava	15	TSC	1:05.26
12 Rice, Isabel D	15	TSC	1:06.72
13 Dupuis, Ella	15	TORCH	1:07.12
14 White, Grace	15	GGST	1:08.16
15 Villahermosa, Maya	15	TORCH	1:08.32
16 Fagon, Amaya A	15	TSC	1:11.39
17 Zimmerman, Waverly	15	TSC	1:12.36
18 Simoes, Victoria V	15	TSC	1:15.28

Girls 15 200 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time
1 Tigert, Leah L	15	TSC	2:03.18

2 Fagerstroem, Ginger (15	TSC	2:15.09
3 Safa, Jade	15	GGST	2:16.67
4 Ho, Tiyana	15	TORCH	2:20.51
5 Kiel, Natalie J	15	TSC	2:23.47
6 Dupuis, Ella	15	TORCH	2:23.72
7 Todorovich, Simone	15	MSSAC	2:25.72
*8 Hincapie, Camila	15	MSSAC	2:28.88
*8 Wang, Melinda	15	MSSAC	2:28.88
10 Henry, Margaret	15	GGST	2:30.41
11 Villahermosa, Maya	15	TORCH	2:32.38
12 Fagon, Amaya A	15	TSC	2:42.43

Girls 15 50 Meter Back

Name	Age	Team	Finals Time
1 Tigert, Leah L	15	TSC	29.84
2 Crainford, Kaitlyn E	15	TSC	31.91
3 Hudson, Beatrice S	15	TSC	33.81
4 Camps, Ava	15	TSC	34.36
5 Henry, Margaret	15	GGST	36.66
6 Zmijak, Allie G	15	TSC	37.11
7 Arhontoudis, Ava G	15	TSC	39.17

Girls 15 100 Meter Back

Name	Age	Team	Finals Time
1 Tigert, Leah L	15	TSC	1:03.25
2 Crainford, Kaitlyn E	15	TSC	1:10.27
3 Ho, Tiyana	15	TORCH	1:11.37
4 Safa, Jade	15	GGST	1:12.54
5 Janetos, Sophia	15	GGST	1:12.58
6 Todorovich, Simone	15	MSSAC	1:13.26
7 Hudson, Beatrice S	15	TSC	1:13.66
8 Marcovitz, Ava L	15	TSC	1:14.10
9 Camps, Ava	15	TSC	1:14.61
10 Muggerridge, Anne-Ma	15	TSC	1:16.26
11 Wang, Melinda	15	MSSAC	1:17.28
12 Dupuis, Ella	15	TORCH	1:17.50
13 Kiel, Natalie J	15	TSC	1:17.60
14 Rice, Isabel D	15	TSC	1:19.09
15 Hincapie, Camila	15	MSSAC	1:20.56
16 Henry, Margaret	15	GGST	1:21.01
17 Arhontoudis, Ava G	15	TSC	1:23.22
18 Zmijak, Allie G	15	TSC	1:23.25
19 White, Grace	15	GGST	1:24.82

Girls 15 200 Meter Back

Name	Age	Team	Finals Time
1 Ho, Tiyana	15	TORCH	2:33.42
2 Dupuis, Ella	15	TORCH	2:45.34

Girls 15 50 Meter Breast

Name	Age	Team	Finals Time
1 Villahermosa, Maya	15	TORCH	36.30
2 Fagerstroem, Ginger (15	TSC	36.79
3 Camps, Ava	15	TSC	37.06
4 Hudson, Beatrice S	15	TSC	37.81
5 Rice, Isabel D	15	TSC	38.21
6 Dupuis, Ella	15	TORCH	38.53
7 Janetos, Sophia	15	GGST	38.68
8 Todorovich, Simone	15	MSSAC	39.52

9 Wang, Melinda	15	MSSAC	40.11
10 Muggerridge, Anne-Ma	15	TSC	40.51
11 Marcovitz, Ava L	15	TSC	41.12
12 Zimmerman, Waverly	15	TSC	41.44
13 White, Grace	15	GGST	42.09
14 Henry, Margaret	15	GGST	44.61
15 Simoes, Victoria V	15	TSC	46.86
16 Fagon, Amaya A	15	TSC	47.94

Girls 15 100 Meter Breast

Name	Age	Team	Finals Time
1 Fagerstroem, Ginger (15	TSC	1:18.59
2 Arhontoudis, Ava G	15	TSC	1:20.26
3 Villahermosa, Maya	15	TORCH	1:20.35
4 Safa, Jade	15	GGST	1:24.28
5 Muggerridge, Anne-Ma	15	TSC	1:28.71
6 Janetos, Sophia	15	GGST	1:28.84
7 White, Grace	15	GGST	1:30.96
8 Zimmerman, Waverly	15	TSC	1:31.63
9 Zmijak, Allie G	15	TSC	1:36.88
10 Henry, Margaret	15	GGST	1:36.91

Girls 15 200 Meter Breast

Name	Age	Team	Finals Time
1 Villahermosa, Maya	15	TORCH	2:56.34
2 Zimmerman, Waverly	15	TSC	3:14.97

Girls 15 50 Meter Fly

Name	Age	Team	Finals Time
1 Tigert, Leah L	15	TSC	30.14
2 Crainford, Kaitlyn E	15	TSC	30.80
3 Janetos, Sophia	15	GGST	31.32
4 Safa, Jade	15	GGST	32.06
5 Marcovitz, Ava L	15	TSC	32.56
6 Fagerstroem, Ginger (15	TSC	32.74
7 Ho, Tiyana	15	TORCH	32.75
8 Kiel, Natalie J	15	TSC	33.32
9 Rice, Isabel D	15	TSC	34.23
10 White, Grace	15	GGST	35.44
11 Simoes, Victoria V	15	TSC	35.85
12 Arhontoudis, Ava G	15	TSC	36.86
--- Fagon, Amaya A	15	TSC	DQ

Girls 15 100 Meter Fly

Name	Age	Team	Finals Time
1 Crainford, Kaitlyn E	15	TSC	1:08.41
2 Safa, Jade	15	GGST	1:09.51
3 Ho, Tiyana	15	TORCH	1:15.85
4 Hincapie, Camila	15	MSSAC	1:22.99
5 Simoes, Victoria V	15	TSC	1:23.78
6 Zmijak, Allie G	15	TSC	1:27.48

Girls 15 200 Meter IM

Name	Age	Team	Finals Time
1 Dupuis, Ella	15	TORCH	2:40.02
2 Camps, Ava	15	TSC	2:41.24
3 Rice, Isabel D	15	TSC	2:42.84
4 Hudson, Beatrice S	15	TSC	2:44.08
5 Villahermosa, Maya	15	TORCH	2:44.73

2023 Downtown Sprint Meet - 10/20/2023 to 10/22/2023

Results

(Girls 15 200 Meter IM)

6	Marcovitz, Ava L	15	TSC	2:45.30
7	Muggeridge, Anne-Me	15	TSC	2:46.27
8	Kiel, Natalie J	15	TSC	2:50.38
9	Zmijak, Allie G	15	TSC	2:58.08
10	Simoes, Victoria V	15	TSC	3:19.90

Girls 16&O 25 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time	
1	McMurray, Ainsley	23	UT	12.29
2	Ebli, Julia A	16	TSC	12.46
3	Chubaty, Lily	21	UT	12.58
4	Bleakney, Lila	17	GGST	12.73
5	Norman, Gemma	20	UT	12.98
6	Leung, Alcina	21	UT	13.01
7	Christie, Claire	17	GGST	13.14
8	Zhang, Yolanda	17	UT	13.20
9	Hunt, Elizabeth A	17	TSC	13.27
10	Bayat, Niusha	17	TSC	13.52
11	Bath, Angelica	21	UT	13.55
12	Stein-Blumberg, Mia I	17	TSC	13.66
13	Shackell, Maggie O	16	TSC	13.68
14	Lanthier, Lyla J	16	TSC	13.69
15	Earley, Sienna	16	TSC	13.73
16	Matthews, Lily	17	GGST	13.74
*17	Wong, Simone P	17	TSC	14.02
*17	Limniatis, Teresa	17	TSC	14.02
19	Leake, Avery L	17	TSC	14.05
20	Goel, Maya	17	TSC	14.16
21	Greenberg, Hana	16	TSC	14.23
22	Hao, Sarah L	13	TSC	14.25
23	Laroche, Elia	20	UT	14.26
*24	Mangaroo, Vilma	17	MSSAC	14.29
*24	Gandhi, Maya A	16	TSC	14.29
26	Tigert, Sophie M	13	TSC	14.41
27	Farlinger, Ava M	16	TSC	14.45
28	Rishor, Julia S	16	TSC	14.87
29	Groth, Grace S	16	TSC	14.97
30	Rei, Íris D	13	TSC	15.16
31	Samson, Roberta A	16	TSC	15.40
32	Adamson, Bronwyn M	17	TSC	15.52
33	Gatten, Paige S	13	TSC	15.54
34	Buttar, Sareena	16	GGST	15.79
35	Boehmer, Lina	16	TSC	16.24

Girls 16&O 100 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Klenk, Haley	21	UT	56.64
2	Vander Leek, Teagan	19	UT	57.30
3	Ebli, Julia A	16	TSC	57.67
4	Kary, Raili	21	UT	57.70
5	Russell, Shannon	21	UT	58.07
6	Chubaty, Lily	21	UT	58.10
7	Marovino, Katie	19	UT	58.37
*8	Christie, Claire	17	GGST	58.45
*8	Leung, Alcina	21	UT	58.45
10	Zhang, Yolanda	17	UT	58.92

11	Boyd, Trinity	17	UT	59.44
12	Norman, Gemma	20	UT	59.47
13	Stein-Blumberg, Mia I	17	TSC	1:00.22
14	Swinerton, Hannah I	16	TSC	1:00.60
15	Lanthier, Lyla J	16	TSC	1:01.02
16	McKinstry, Katie	16	TSC	1:01.04
17	Vicente, Savannah D	16	TSC	1:01.16
18	Shackell, Maggie O	16	TSC	1:01.70
19	Goel, Maya	17	TSC	1:01.79
20	Leake, Avery L	17	TSC	1:01.86
21	Limniatis, Teresa	17	TSC	1:03.21
22	Tigert, Sophie M	13	TSC	1:03.56
23	Gandhi, Maya A	16	TSC	1:05.06
24	Fofana, Paloma J	16	TSC	1:06.84
25	Wong, Simone P	17	TSC	1:07.24
26	Samson, Roberta A	16	TSC	1:07.46
27	Farlinger, Ava M	16	TSC	1:08.72
28	Boehmer, Lina	16	TSC	1:09.19
29	Rishor, Julia S	16	TSC	1:10.05
30	Lee, Alisia	16	TORCH	1:11.80
31	Rei, Íris D	13	TSC	1:13.84
32	Murray, Sydney A	17	TSC	1:14.62
33	Buttar, Sareena	16	GGST	1:14.70

Girls 16&O 200 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time	
1	McKenzie, Teagan	18	UT	2:03.60
2	Marovino, Katie	19	UT	2:04.03
3	Bleakney, Lila	17	GGST	2:04.43
4	Klenk, Haley	21	UT	2:05.30
5	Ebli, Julia A	16	TSC	2:05.37
6	Vander Leek, Teagan	19	UT	2:05.93
7	Mollin, Nina	19	UT	2:06.06
8	Boyd, Trinity	17	UT	2:07.42
9	Matthews, Lily	17	GGST	2:08.65
10	Carruthers, Caroline	21	UT	2:09.78
11	Hocevar, Natalie	16	MSSAC	2:10.29
12	Hein, Anna	21	UT	2:11.50
13	Stein-Blumberg, Mia I	17	TSC	2:12.92
14	Leake, Avery L	17	TSC	2:13.16
15	Swinerton, Hannah I	16	TSC	2:13.22
16	Lanthier, Lyla J	16	TSC	2:15.35
17	Goel, Maya	17	TSC	2:17.67
18	Couillard, Kaitlin	16	MSSAC	2:20.17
19	Yan, Renee	16	MSSAC	2:24.96
20	Mangaroo, Vilma	17	MSSAC	2:28.04
21	Sikka-Patel, Sofia	17	MSSAC	2:29.57
22	Lee, Alisia	16	TORCH	2:42.65
23	Hudacin, Coco S	13	TSC	2:47.98

Girls 16&O 50 Meter Back

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Schroeder, Katie	18	UT	28.25
2	Kary, Raili	21	UT	28.44
3	Ebli, Julia A	16	TSC	28.88
4	Hunt, Elizabeth A	17	TSC	29.16
5	Bath, Angelica	21	UT	29.30
6	Norman, Gemma	20	UT	30.49

7	Vicente, Savannah D	16	TSC	30.51
8	Matthews, Lily	17	GGST	30.91
9	Swinerton, Hannah I	16	TSC	31.78
10	Leung, Alcina	21	UT	32.11
11	Limniatis, Teresa	17	TSC	32.22
12	Leake, Avery L	17	TSC	32.23
13	Farlinger, Ava M	16	TSC	35.99
14	Gandhi, Maya A	16	TSC	36.07
15	Earley, Sienna	16	TSC	36.60
16	Murray, Sydney A	17	TSC	37.01
17	Boehmer, Lina	16	TSC	37.54
18	Buttar, Sareena	16	GGST	38.87
19	Hudacin, Coco S	13	TSC	39.99
---	Stein-Blumberg, Mia I	17	TSC	DQ

Girls 16&O 100 Meter Back

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Kary, Raili	21	UT	1:01.16
2	McKenzie, Teagan	18	UT	1:01.87
3	Bleakney, Lila	17	GGST	1:04.05
4	Christie, Claire	17	GGST	1:05.52
5	Ebli, Julia A	16	TSC	1:05.62
6	Hunt, Elizabeth A	17	TSC	1:05.64
7	Norman, Gemma	20	UT	1:05.73
8	Vicente, Savannah D	16	TSC	1:06.27
9	Mollin, Nina	19	UT	1:06.57
10	Swinerton, Hannah I	16	TSC	1:07.78
11	Shackell, Maggie O	16	TSC	1:08.35
12	Leake, Avery L	17	TSC	1:08.50
13	Limniatis, Teresa	17	TSC	1:08.51
14	Guan, Tina	20	UT	1:09.35
15	Hocevar, Natalie	16	MSSAC	1:10.81
16	McKinstry, Katie	16	TSC	1:11.58
17	Couillard, Kaitlin	16	MSSAC	1:12.08
18	Greenberg, Hana	16	TSC	1:12.60
19	Hao, Sarah L	13	TSC	1:12.83
20	Sikka-Patel, Sofia	17	MSSAC	1:12.87
21	Yan, Renee	16	MSSAC	1:13.38
22	Bayat, Niusha	17	TSC	1:13.94
23	Goel, Maya	17	TSC	1:14.42
24	Mangaroo, Vilma	17	MSSAC	1:16.62
25	Gandhi, Maya A	16	TSC	1:18.06
26	Tigert, Sophie M	13	TSC	1:18.17
27	Earley, Sienna	16	TSC	1:20.21
28	Boehmer, Lina	16	TSC	1:20.49
29	Groth, Grace S	16	TSC	1:21.81
30	Samson, Roberta A	16	TSC	1:23.82
31	Buttar, Sareena	16	GGST	1:25.13
32	Gatten, Paige S	13	TSC	1:25.65
33	Rishor, Julia S	16	TSC	1:25.72
34	Farlinger, Ava M	16	TSC	1:26.46
35	Lubana, Simrit	13	TSC	1:51.87

Girls 16&O 200 Meter Back

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Schroeder, Katie	18	UT	2:10.12
2	Bath, Angelica	21	UT	2:13.86
3	McKenzie, Teagan	18	UT	2:14.76

2023 Downtown Sprint Meet - 10/20/2023 to 10/22/2023

Results

(Girls 16&O 200 Meter Back)

4	Mollin, Nina	19	UT	2:22.12
5	Russell, Shannon	21	UT	2:24.05
6	Leake, Avery L	17	TSC	2:25.47
7	Hunt, Elizabeth A	17	TSC	2:25.97

Girls 16&O 50 Meter Breast

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Russell, Shannon	21	UT	32.79
2	McMurray, Ainsley	23	UT	34.12
3	Winokur, Sydney	21	UT	34.79
4	Boyd, Trinity	17	UT	35.54
5	McKinstry, Katie	16	TSC	35.58
6	Swinerton, Hannah I	16	TSC	36.72
7	Couillard, Kaitlin	16	MSSAC	37.67
8	Bath, Angelica	21	UT	38.00
9	Zhang, Yolanda	17	UT	38.33
10	Hocevar, Natalie	16	MSSAC	38.39
11	Ma, Katie	16	MSSAC	38.53
12	Greenberg, Hana	16	TSC	38.96
13	Vicente, Savannah D	16	TSC	39.23
14	Wong, Simone P	17	TSC	39.84
15	Hunt, Elizabeth A	17	TSC	39.92
16	Leung, Alcina	21	UT	40.03
17	Yan, Renee	16	MSSAC	40.17
18	Rishor, Julia S	16	TSC	40.76
19	Gatten, Paige S	13	TSC	40.89
20	Tigert, Sophie M	13	TSC	40.97
21	Earley, Sienna	16	TSC	40.99
22	Limniatis, Teresa	17	TSC	41.14
23	Sikka-Patel, Sofia	17	MSSAC	41.28
24	Rei, Íris D	13	TSC	41.65
25	Gandhi, Maya A	16	TSC	41.90
26	Narduzzo, Amelia	21	UT	43.05
27	Farlinger, Ava M	16	TSC	44.48
28	Adamson, Bronwyn M	17	TSC	45.99
29	Samson, Roberta A	16	TSC	46.94
30	Groth, Grace S	16	TSC	48.18
31	Lubana, Simrit	13	TSC	53.44
---	Christie, Claire	17	GGST	DQ

Girls 16&O 100 Meter Breast

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Winokur, Sydney	21	UT	1:13.16
2	McMurray, Ainsley	23	UT	1:16.07
3	Boyd, Trinity	17	UT	1:16.42
4	Hein, Anna	21	UT	1:16.78
5	McKinstry, Katie	16	TSC	1:17.75
6	Christie, Claire	17	GGST	1:18.45
7	Bayat, Niusha	17	TSC	1:19.04
8	Matthews, Lily	17	GGST	1:22.18
9	Goel, Maya	17	TSC	1:22.29
10	Greenberg, Hana	16	TSC	1:22.40
11	Stein-Blumberg, Mia I	17	TSC	1:22.88
12	Shackell, Maggie O	16	TSC	1:25.17
13	Rishor, Julia S	16	TSC	1:25.55
14	Lee, Alisia	16	TORCH	1:26.52

15	Wong, Simone P	17	TSC	1:28.52
16	Hao, Sarah L	13	TSC	1:28.98
17	Gatten, Paige S	13	TSC	1:29.02
18	Hudacin, Coco S	13	TSC	1:30.27
19	Rei, Íris D	13	TSC	1:31.66
20	Buttar, Sareena	16	GGST	1:35.87

Girls 16&O 200 Meter Breast

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Winokur, Sydney	21	UT	2:38.90
2	Guan, Tina	20	UT	2:38.92
3	Bayat, Niusha	17	TSC	2:51.55
4	Lee, Alisia	16	TORCH	3:09.74
5	Rei, Íris D	13	TSC	3:15.04
---	Buttar, Sareena	16	GGST	DQ

Girls 16&O 50 Meter Fly

Name	Age	Team	Finals Time	
*1	McMurray, Ainsley	23	UT	28.24
*1	Carruthers, Caroline	21	UT	28.24
3	Vander Leek, Teagan	19	UT	28.50
4	Christie, Claire	17	GGST	28.85
5	Ebli, Julia A	16	TSC	28.90
6	Chubaty, Lily	21	UT	29.05
7	Kary, Raili	21	UT	29.13
8	Zhang, Yolanda	17	UT	29.69
9	Swinerton, Hannah I	16	TSC	30.41
*10	Laroche, Elia	20	UT	30.51
*10	Hunt, Elizabeth A	17	TSC	30.51
12	Winokur, Sydney	21	UT	30.90
13	Leung, Alcina	21	UT	31.00
14	Matthews, Lily	17	GGST	31.23
15	Greenberg, Hana	16	TSC	31.62
16	Lanthier, Lyla J	16	TSC	31.65
17	Goel, Maya	17	TSC	32.60
18	Bayat, Niusha	17	TSC	33.39
19	Fofana, Paloma J	16	TSC	33.99
20	Tigert, Sophie M	13	TSC	34.54
21	Hao, Sarah L	13	TSC	34.94
22	Boehmer, Lina	16	TSC	35.13
23	Earley, Sienna	16	TSC	35.21
24	Wong, Simone P	17	TSC	35.56
25	Samson, Roberta A	16	TSC	36.22
26	Farlinger, Ava M	16	TSC	36.68
27	Rishor, Julia S	16	TSC	36.83
28	Hudacin, Coco S	13	TSC	37.95
29	Gatten, Paige S	13	TSC	38.24
30	Murray, Sydney A	17	TSC	39.13

Girls 16&O 100 Meter Fly

Name	Age	Team	Finals Time	
1	McMurray, Ainsley	23	UT	1:02.50
2	Schroeder, Katie	18	UT	1:02.57
3	Klenk, Haley	21	UT	1:03.09
4	Carruthers, Caroline	21	UT	1:03.73
5	Marovino, Katie	19	UT	1:04.15
6	Vander Leek, Teagan	19	UT	1:04.66
*7	Stein-Blumberg, Mia I	17	TSC	1:05.62

*7	Norman, Gemma	20	UT	1:05.62
9	Zhang, Yolanda	17	UT	1:06.94
10	Chubaty, Lily	21	UT	1:07.05
11	McKinstry, Katie	16	TSC	1:07.42
12	Matthews, Lily	17	GGST	1:07.67
13	Laroche, Elia	20	UT	1:07.75
14	Shackell, Maggie O	16	TSC	1:09.38
15	Lanthier, Lyla J	16	TSC	1:11.47
16	Hao, Sarah L	13	TSC	1:16.56
17	Boehmer, Lina	16	TSC	1:20.25
18	Hudacin, Coco S	13	TSC	1:27.49
19	Lee, Alisia	16	TORCH	1:28.16

Girls 16&O 200 Meter Fly

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Mollin, Nina	19	UT	2:15.90
2	Carruthers, Caroline	21	UT	2:21.44

Girls 16&O 200 Meter IM

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Klenk, Haley	21	UT	2:19.12
2	Guan, Tina	20	UT	2:23.65
3	Hein, Anna	21	UT	2:26.99
4	McKinstry, Katie	16	TSC	2:28.80
5	Lanthier, Lyla J	16	TSC	2:34.14
6	Shackell, Maggie O	16	TSC	2:34.84
7	Laroche, Elia	20	UT	2:35.57
8	Greenberg, Hana	16	TSC	2:36.71
9	Bayat, Niusha	17	TSC	2:36.75
10	Vicente, Savannah D	16	TSC	2:36.92
11	Hao, Sarah L	13	TSC	2:37.81
12	Gandhi, Maya A	16	TSC	2:44.73
13	Fofana, Paloma J	16	TSC	2:45.05
14	Tigert, Sophie M	13	TSC	2:48.07
15	Earley, Sienna	16	TSC	2:49.12
16	Lee, Alisia	16	TORCH	2:54.93
17	Samson, Roberta A	16	TSC	2:58.25
18	Gatten, Paige S	13	TSC	3:00.15

Boys 10&U 50 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Quinn, Liam A	10	TSC	37.30
2	Khalloqi, Adam	10	TSC	37.55
3	Block, Cameron	10	GGST	37.66
4	Zenlea, Noah S	9	TSC	39.03
5	Smyth, Noah	10	GGST	39.36
6	Burns, Jack	10	GGST	40.47
7	Ling, Duggan Y	10	TSC	41.11
8	Yue, Michael M	9	TSC	42.24
9	Ireland, August E	10	TSC	43.41
10	Zenlea, Cole H	8	TSC	44.21
11	James, Edward R	10	TSC	45.54
12	Amigud, Hugo O	9	TSC	45.77
13	Chan, Seb Q	8	TSC	46.20
14	Da Silva, Mason	7	TSC	48.50
15	Combeer, David L	10	TSC	54.01
16	Bay, Luca D	9	TSC	54.84
17	Darragh, Lucas P	10	TSC	58.27

2023 Downtown Sprint Meet - 10/20/2023 to 10/22/2023

Results

(Boys 10&U 50 Meter Free)

18	Ma, Benjamin N	10	TSC	1:00.21
---	Vukasinovic, Luka	10	TSC	DQ

Boys 10&U 100 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Pham, Christoffer H	10	TSC	1:20.45
2	Quinn, Liam A	10	TSC	1:22.21
3	Block, Cameron	10	GGST	1:22.85
4	Ashat, Kieran F	9	TSC	1:24.12
5	Ling, Duggan Y	10	TSC	1:30.25
6	Smyth, Noah	10	GGST	1:30.30
7	Yue, Michael M	9	TSC	1:31.48
8	Burns, Jack	10	GGST	1:32.41
9	Zenlea, Noah S	9	TSC	1:32.58
10	James, Edward R	10	TSC	1:37.24
11	Vukasinovic, Luka	10	TSC	1:39.41
12	Kwan, Jasper	8	TSC	1:41.19
13	Zenlea, Cole H	8	TSC	1:41.43
14	Bay, Luca D	9	TSC	1:56.80
15	Darragh, Lucas P	10	TSC	1:59.67
16	Combeer, David L	10	TSC	2:06.23
17	Ma, Benjamin N	10	TSC	2:14.63

Boys 10&U 200 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Khalloqi, Adam	10	TSC	3:13.82
2	Vukasinovic, Luka	10	TSC	3:41.38

Boys 10&U 50 Meter Back

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Ashat, Kieran F	9	TSC	45.02
2	Pham, Christoffer H	10	TSC	46.76
3	Smyth, Noah	10	GGST	47.96
4	Khalloqi, Adam	10	TSC	48.68
5	Burns, Jack	10	GGST	48.97
6	Vukasinovic, Luka	10	TSC	50.27
7	Zenlea, Cole H	8	TSC	50.46
8	James, Edward R	10	TSC	52.71
9	Chan, Seb Q	8	TSC	55.62
10	Amigud, Hugo O	9	TSC	57.05
11	Kwan, Jasper	8	TSC	58.41
12	Combeer, David L	10	TSC	59.84
13	Da Silva, Mason	7	TSC	1:02.65
14	Darragh, Lucas P	10	TSC	1:05.39
15	Ma, Benjamin N	10	TSC	1:10.23

Boys 10&U 100 Meter Back

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Ashat, Kieran F	9	TSC	1:35.42
2	Block, Cameron	10	GGST	1:37.54
3	Quinn, Liam A	10	TSC	1:39.37
4	Zenlea, Noah S	9	TSC	1:40.48
5	Pham, Christoffer H	10	TSC	1:40.49
6	Yue, Michael M	9	TSC	1:43.52
7	Smyth, Noah	10	GGST	1:45.58
8	James, Edward R	10	TSC	1:47.65
9	Zenlea, Cole H	8	TSC	1:50.73

10	Ling, Duggan Y	10	TSC	1:51.52
11	Bay, Luca D	9	TSC	2:08.29
12	Kwan, Jasper	8	TSC	2:12.18
13	Combeer, David L	10	TSC	2:21.98
14	Ma, Benjamin N	10	TSC	2:23.25
15	Darragh, Lucas P	10	TSC	2:25.26

Boys 10&U 50 Meter Breast

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Quinn, Liam A	10	TSC	50.18
2	Block, Cameron	10	GGST	51.54
3	Yue, Michael M	9	TSC	52.39
4	Ling, Duggan Y	10	TSC	52.43
5	Bay, Luca D	9	TSC	57.61
6	Zenlea, Cole H	8	TSC	57.77
7	Kwan, Jasper	8	TSC	57.85
8	Khalloqi, Adam	10	TSC	58.47
9	James, Edward R	10	TSC	59.61
10	Burns, Jack	10	GGST	1:00.81
11	Ma, Benjamin N	10	TSC	1:08.03
12	Darragh, Lucas P	10	TSC	1:14.69
13	Combeer, David L	10	TSC	1:20.66

Boys 10&U 100 Meter Breast

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Ashat, Kieran F	9	TSC	1:43.18
2	Yue, Michael M	9	TSC	1:49.30
3	Block, Cameron	10	GGST	1:49.73
4	Quinn, Liam A	10	TSC	1:50.17
5	Pham, Christoffer H	10	TSC	1:51.21
6	Ling, Duggan Y	10	TSC	1:52.12
7	Zenlea, Noah S	9	TSC	1:53.74
8	Ireland, August E	10	TSC	1:57.71
9	Chan, Seb Q	8	TSC	2:05.12
10	Kwan, Jasper	8	TSC	2:05.20
11	Bay, Luca D	9	TSC	2:08.98
12	James, Edward R	10	TSC	2:15.80
13	Ma, Benjamin N	10	TSC	2:29.03
14	Da Silva, Mason	7	TSC	2:29.97
15	Darragh, Lucas P	10	TSC	2:43.46
16	Combeer, David L	10	TSC	2:55.30

Boys 10&U 50 Meter Fly

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Zenlea, Noah S	9	TSC	45.29
2	Smyth, Noah	10	GGST	46.04
3	Ashat, Kieran F	9	TSC	47.47
4	Pham, Christoffer H	10	TSC	47.91
5	Khalloqi, Adam	10	TSC	53.48
6	Vukasinovic, Luka	10	TSC	55.22
7	Burns, Jack	10	GGST	57.04

Boys 10&U 100 Meter IM

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Ashat, Kieran F	9	TSC	1:35.13
2	Block, Cameron	10	GGST	1:35.77
3	Smyth, Noah	10	GGST	1:38.66
4	Quinn, Liam A	10	TSC	1:40.23
5	Zenlea, Noah S	9	TSC	1:42.43

6	Ling, Duggan Y	10	TSC	1:43.50
7	Yue, Michael M	9	TSC	1:44.33
8	Khalloqi, Adam	10	TSC	1:46.82
9	Ireland, August E	10	TSC	1:48.11
10	Zenlea, Cole H	8	TSC	1:50.54
11	Kwan, Jasper	8	TSC	1:53.06
12	Burns, Jack	10	GGST	1:53.60
13	Vukasinovic, Luka	10	TSC	1:55.16
14	Bay, Luca D	9	TSC	2:07.79
---	Pham, Christoffer H	10	TSC	DQ

Boys 11 50 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Tran, Matthew	11	TORCH	32.41
2	Jiang, Kevin	11	TORCH	34.22
3	Kroeker, Mies A	11	TSC	36.32
4	Brasseur, Liam	11	GGST	37.34
5	Camps, Ben A	11	TSC	37.44
6	Eisen, Izzi L	11	TSC	37.58
7	Rabinovitch, Miles A	11	TSC	37.74
8	Hervey, Clark	11	GGST	38.75
9	Zenlea, Max P	11	TSC	39.56
10	Jiang, Justin	11	GGST	39.72
11	Zurborg Mones, Ande	11	TSC	40.30
12	Perruzza-Joaquim, Ai	11	TSC	41.74
13	Chau, Nathan K	11	TSC	43.08
14	Liu, Jayden	11	GGST	43.14
15	Yang-McMillan, Magn	11	TSC	44.38
16	Burns, Jamie G	11	TSC	46.12
17	Bastie, Sodapop S	11	TSC	49.13
18	Luttmer, Simon S	11	TSC	53.21
19	Mowder, Finn J	11	TSC	54.41
20	Lau, Ben	11	TSC	58.75

Boys 11 100 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Tran, Matthew	11	TORCH	1:10.11
2	Jiang, Kevin	11	TORCH	1:13.88
3	Burke, Julian C	11	TSC	1:16.97
4	Liu, Philip Y	11	TSC	1:17.25
5	Pommen, Soren J	11	TSC	1:18.04
6	Eisen, Izzi L	11	TSC	1:18.31
7	Wenger, Micah R	11	TSC	1:19.60
8	Brasseur, Liam	11	GGST	1:21.12
9	Calmettes, Paul C	11	TSC	1:21.33
10	McCormack, Orin T	11	TSC	1:21.46
11	Kroeker, Mies A	11	TSC	1:22.96
12	Hervey, Clark	11	GGST	1:24.05
13	Zenlea, Max P	11	TSC	1:29.66
14	Perruzza-Joaquim, Ai	11	TSC	1:30.48
15	Zurborg Mones, Ande	11	TSC	1:34.10
16	Yang-McMillan, Magn	11	TSC	1:34.15
17	Jiang, Justin	11	GGST	1:35.25
18	Chau, Nathan K	11	TSC	1:37.42
19	Liu, Jayden	11	GGST	1:42.08
20	Bastie, Sodapop S	11	TSC	1:47.48
21	Burns, Jamie G	11	TSC	1:52.96
22	Luttmer, Simon S	11	TSC	1:55.84

2023 Downtown Sprint Meet - 10/20/2023 to 10/22/2023

Results

(Boys 11 100 Meter Free)

23	Mowder, Finn J	11	TSC	2:05.97
24	Lau, Ben	11	TSC	2:12.05
---	Camps, Ben A	11	TSC	DNF

Boys 11 200 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time
1	Tran, Matthew	11 TORCH	2:38.92
2	Jiang, Kevin	11 TORCH	2:40.26
3	Rabinovitch, Miles A	11 TSC	3:15.68
4	Perruzza-Joaquim, Ai	11 TSC	3:28.31
5	Chau, Nathan K	11 TSC	3:34.09

Boys 11 50 Meter Back

Name	Age	Team	Finals Time
1	Burke, Julian C	11 TSC	37.92
2	Pommen, Soren J	11 TSC	38.58
3	Rabinovitch, Miles A	11 TSC	41.42
4	Calmettes, Paul C	11 TSC	42.29
5	McCormack, Orin T	11 TSC	44.07
6	Liu, Philip Y	11 TSC	44.79
7	Zurborg Mones, Ande	11 TSC	48.39
8	Liu, Jayden	11 GGST	50.12
9	Luttmer, Simon S	11 TSC	50.38
10	Burns, Jamie G	11 TSC	55.02
11	Bastie, Sodapop S	11 TSC	55.78
12	Jiang, Justin	11 GGST	56.97
13	Yang-McMillan, Magn	11 TSC	57.97
14	Lau, Ben	11 TSC	1:01.75
15	Mowder, Finn J	11 TSC	1:07.84

Boys 11 100 Meter Back

Name	Age	Team	Finals Time
1	Burke, Julian C	11 TSC	1:19.66
2	Pommen, Soren J	11 TSC	1:24.31
3	Tran, Matthew	11 TORCH	1:24.76
4	Calmettes, Paul C	11 TSC	1:31.75
5	Camps, Ben A	11 TSC	1:32.27
6	McCormack, Orin T	11 TSC	1:32.34
7	Liu, Philip Y	11 TSC	1:32.72
8	Eisen, Izzi L	11 TSC	1:34.76
9	Kroeker, Mies A	11 TSC	1:36.06
10	Hervey, Clark	11 GGST	1:37.98
11	Wenger, Micah R	11 TSC	1:39.72
12	Zenlea, Max P	11 TSC	1:41.76
13	Brasseur, Liam	11 GGST	1:42.02
14	Perruzza-Joaquim, Ai	11 TSC	1:42.33
15	Zurborg Mones, Ande	11 TSC	1:47.04
16	Bastie, Sodapop S	11 TSC	1:58.11
17	Luttmer, Simon S	11 TSC	1:58.28
18	Yang-McMillan, Magn	11 TSC	1:58.89
19	Liu, Jayden	11 GGST	2:00.31
20	Lau, Ben	11 TSC	2:17.21
21	Mowder, Finn J	11 TSC	2:33.06
---	Burns, Jamie G	11 TSC	DQ
---	Chau, Nathan K	11 TSC	DQ

Boys 11 50 Meter Breast

Name	Age	Team	Finals Time
1	Eisen, Izzi L	11 TSC	47.56
2	Brasseur, Liam	11 GGST	48.48
3	Rabinovitch, Miles A	11 TSC	51.23
4	Kroeker, Mies A	11 TSC	51.45
5	Hervey, Clark	11 GGST	52.94
6	Zenlea, Max P	11 TSC	56.75
7	Burns, Jamie G	11 TSC	57.03
8	Jiang, Justin	11 GGST	59.49
9	Yang-McMillan, Magn	11 TSC	1:01.24
10	Zurborg Mones, Ande	11 TSC	1:03.05
11	Bastie, Sodapop S	11 TSC	1:04.94
12	Lau, Ben	11 TSC	1:13.47
13	Luttmer, Simon S	11 TSC	1:16.85
---	Mowder, Finn J	11 TSC	DQ

Boys 11 100 Meter Breast

Name	Age	Team	Finals Time
1	Tran, Matthew	11 TORCH	1:28.25
2	Liu, Philip Y	11 TSC	1:32.92
3	Calmettes, Paul C	11 TSC	1:39.25
4	Jiang, Kevin	11 TORCH	1:41.96
5	McCormack, Orin T	11 TSC	1:42.92
6	Brasseur, Liam	11 GGST	1:45.08
7	Eisen, Izzi L	11 TSC	1:45.94
8	Chau, Nathan K	11 TSC	1:46.92
9	Kroeker, Mies A	11 TSC	1:49.18
*10	Pommen, Soren J	11 TSC	1:49.65
*10	Camps, Ben A	11 TSC	1:49.65
12	Burke, Julian C	11 TSC	1:50.87
13	Hervey, Clark	11 GGST	1:54.78
14	Perruzza-Joaquim, Ai	11 TSC	1:56.43
15	Zenlea, Max P	11 TSC	1:58.85
16	Yang-McMillan, Magn	11 TSC	2:07.57
17	Zurborg Mones, Ande	11 TSC	2:13.95
18	Burns, Jamie G	11 TSC	2:14.39
19	Bastie, Sodapop S	11 TSC	2:23.35
20	Mowder, Finn J	11 TSC	2:39.14
21	Luttmer, Simon S	11 TSC	2:39.27
22	Lau, Ben	11 TSC	3:06.00

Boys 11 50 Meter Fly

Name	Age	Team	Finals Time
1	Jiang, Kevin	11 TORCH	36.01
2	Liu, Philip Y	11 TSC	39.38
3	Pommen, Soren J	11 TSC	41.46
4	Calmettes, Paul C	11 TSC	41.96
5	Burke, Julian C	11 TSC	42.27
6	Rabinovitch, Miles A	11 TSC	45.51
7	Wenger, Micah R	11 TSC	45.65
8	McCormack, Orin T	11 TSC	46.10
9	Camps, Ben A	11 TSC	50.75
10	Liu, Jayden	11 GGST	57.65
11	Jiang, Justin	11 GGST	58.82

Boys 11 100 Meter Fly

Name	Age	Team	Finals Time
1	Jiang, Kevin	11 TORCH	1:23.04

Boys 11 100 Meter IM

Name	Age	Team	Finals Time
1	Tran, Matthew	11 TORCH	1:21.78
2	Calmettes, Paul C	11 TSC	1:28.70
3	Burke, Julian C	11 TSC	1:29.36
4	Liu, Philip Y	11 TSC	1:29.55
5	Eisen, Izzi L	11 TSC	1:33.32
6	McCormack, Orin T	11 TSC	1:34.96
7	Rabinovitch, Miles A	11 TSC	1:35.21
8	Kroeker, Mies A	11 TSC	1:37.46
9	Zenlea, Max P	11 TSC	1:38.98
10	Perruzza-Joaquim, Ai	11 TSC	1:41.67
11	Brasseur, Liam	11 GGST	1:42.03
12	Chau, Nathan K	11 TSC	1:44.21
13	Liu, Jayden	11 GGST	1:52.58
14	Jiang, Justin	11 GGST	2:01.74
---	Camps, Ben A	11 TSC	DQ
---	Hervey, Clark	11 GGST	DQ
---	Pommen, Soren J	11 TSC	DQ

Boys 12 50 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time
1	Lu, Ethan	12 TSC	29.03
2	Dixon, Quintin B	12 TSC	29.65
3	Fujiwara, Nayuta	12 TSC	30.03
4	Mills, Ben	12 GGST	30.50
5	Chen, Christopher	12 GGST	30.76
6	Cameron, Liam R	12 TSC	31.45
7	McKenna, Liam W	12 TSC	31.47
8	Woo, James	12 TORCH	32.13
9	McCurdy, Myles H	12 TSC	32.90
10	Koteff-Ruben, Carter	12 TSC	33.55
11	Bruvelaitis, Ryan A	12 TSC	33.56
12	Gomez, Olivier	12 GGST	34.26
13	Hurst Saito, Sui	12 TSC	34.86
14	Shemtov, Natan	12 GGST	35.21
15	McIntyre, Lucas G	12 TSC	35.44
16	Szatan, Kuba A	12 TSC	37.01
17	Wilson, McCrea J	12 TSC	37.35
18	Smyth, Luke	12 GGST	37.77
19	Mutch, Harvey C	12 TSC	39.82
20	Ma, Harrison L	12 TSC	42.99
21	Dhiman, Arsh	12 GGST	46.47

Boys 12 100 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time
1	Chow, Sedakah	12 TORCH	1:05.09
2	Lu, Ethan	12 TSC	1:06.27
3	Mills, Ben	12 GGST	1:08.81
4	Chen, Christopher	12 GGST	1:10.14
5	Woo, James	12 TORCH	1:11.63
6	Koteff-Ruben, Carter	12 TSC	1:14.60
7	Hurst Saito, Sui	12 TSC	1:17.25
8	Gomez, Olivier	12 GGST	1:18.16

2023 Downtown Sprint Meet - 10/20/2023 to 10/22/2023

Results

(Boys 12 100 Meter Free)

9	Shemtov, Natan	12	GGST	1:20.45
10	McIntyre, Lucas G	12	TSC	1:21.34
11	Wilson, McCrea J	12	TSC	1:21.62
12	Szatan, Kuba A	12	TSC	1:24.42
13	Smyth, Luke	12	GGST	1:25.30
14	Mutch, Harvey C	12	TSC	1:26.21
15	Ma, Harrison L	12	TSC	1:36.17
16	Dhiman, Arsh	12	GGST	1:46.74

Boys 12 200 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Chow, Sedakah	12	TORCH	2:27.16
2	Woo, James	12	TORCH	2:38.71
3	Lu, Ethan	12	TSC	2:40.20
4	Koteff-Ruben, Carter	12	TSC	2:48.53
5	Hurst Saito, Sui	12	TSC	2:56.06
6	Wilson, McCrea J	12	TSC	2:59.24
7	McIntyre, Lucas G	12	TSC	3:08.63
8	Szatan, Kuba A	12	TSC	3:16.48
9	Mutch, Harvey C	12	TSC	3:26.95
10	Ma, Harrison L	12	TSC	3:36.90

Boys 12 50 Meter Back

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Chow, Sedakah	12	TORCH	32.89
2	Dixon, Quintin B	12	TSC	33.58
3	Fujiwara, Nayuta	12	TSC	35.45
4	Cameron, Liam R	12	TSC	36.35
5	McKenna, Liam W	12	TSC	36.93
6	Chen, Christopher	12	GGST	36.97
7	McCurdy, Myles H	12	TSC	37.18
8	Bruvelaitis, Ryan A	12	TSC	37.86
9	Mills, Ben	12	GGST	38.38
10	Gomez, Olivier	12	GGST	40.50
11	Smyth, Luke	12	GGST	44.78
12	Shemtov, Natan	12	GGST	45.90
---	Dhiman, Arsh	12	GGST	DQ

Boys 12 100 Meter Back

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Dixon, Quintin B	12	TSC	1:09.57
2	Chow, Sedakah	12	TORCH	1:11.47
3	Fujiwara, Nayuta	12	TSC	1:15.32
4	Cameron, Liam R	12	TSC	1:17.94
5	McKenna, Liam W	12	TSC	1:18.76
6	Bruvelaitis, Ryan A	12	TSC	1:19.79
7	Lu, Ethan	12	TSC	1:20.80
8	McCurdy, Myles H	12	TSC	1:21.04
9	Woo, James	12	TORCH	1:22.27
10	Chen, Christopher	12	GGST	1:22.89
11	Mills, Ben	12	GGST	1:23.20
12	Gomez, Olivier	12	GGST	1:27.23
13	Hurst Saito, Sui	12	TSC	1:29.37
14	McIntyre, Lucas G	12	TSC	1:33.92
15	Koteff-Ruben, Carter	12	TSC	1:35.71
16	Smyth, Luke	12	GGST	1:36.47

17	Shemtov, Natan	12	GGST	1:38.31
18	Wilson, McCrea J	12	TSC	1:39.57
19	Szatan, Kuba A	12	TSC	1:43.15
20	Mutch, Harvey C	12	TSC	1:43.18
21	Ma, Harrison L	12	TSC	1:47.38

Boys 12 50 Meter Breast

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Fujiwara, Nayuta	12	TSC	40.68
2	Dixon, Quintin B	12	TSC	43.42
3	McKenna, Liam W	12	TSC	45.34
*4	Cameron, Liam R	12	TSC	45.85
*4	McCurdy, Myles H	12	TSC	45.85
6	Bruvelaitis, Ryan A	12	TSC	46.31
7	Dhiman, Arsh	12	GGST	1:21.92

Boys 12 100 Meter Breast

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Chen, Christopher	12	GGST	1:29.13
2	Woo, James	12	TORCH	1:29.25
3	Chow, Sedakah	12	TORCH	1:30.67
4	Lu, Ethan	12	TSC	1:30.97
5	Mills, Ben	12	GGST	1:34.35
6	Hurst Saito, Sui	12	TSC	1:37.16
7	McIntyre, Lucas G	12	TSC	1:43.81
8	Koteff-Ruben, Carter	12	TSC	1:44.84
9	Szatan, Kuba A	12	TSC	1:45.76
10	Gomez, Olivier	12	GGST	1:45.90
11	Shemtov, Natan	12	GGST	1:47.98
12	Ma, Harrison L	12	TSC	1:48.85
13	Smyth, Luke	12	GGST	1:49.66
14	Mutch, Harvey C	12	TSC	1:56.71
15	Wilson, McCrea J	12	TSC	1:58.68

Boys 12 50 Meter Fly

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Fujiwara, Nayuta	12	TSC	32.41
2	Cameron, Liam R	12	TSC	35.37
3	Chen, Christopher	12	GGST	35.85
4	Dixon, Quintin B	12	TSC	36.45
5	Bruvelaitis, Ryan A	12	TSC	38.00
6	Mills, Ben	12	GGST	39.51
7	McCurdy, Myles H	12	TSC	41.55
8	McKenna, Liam W	12	TSC	42.64
9	Gomez, Olivier	12	GGST	45.45
10	Shemtov, Natan	12	GGST	46.92
11	Smyth, Luke	12	GGST	48.22
12	Dhiman, Arsh	12	GGST	1:01.28

Boys 12 100 Meter Fly

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Chow, Sedakah	12	TORCH	1:18.62
2	Woo, James	12	TORCH	1:31.03

Boys 12 100 Meter IM

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Fujiwara, Nayuta	12	TSC	1:15.89
2	Lu, Ethan	12	TSC	1:18.30
3	Dixon, Quintin B	12	TSC	1:18.72

4	McKenna, Liam W	12	TSC	1:22.93
5	McCurdy, Myles H	12	TSC	1:23.99
6	Cameron, Liam R	12	TSC	1:24.22
7	Bruvelaitis, Ryan A	12	TSC	1:26.81
8	Hurst Saito, Sui	12	TSC	1:28.19
9	Koteff-Ruben, Carter	12	TSC	1:34.36
10	Mutch, Harvey C	12	TSC	1:38.28
11	Szatan, Kuba A	12	TSC	1:39.31
12	Ma, Harrison L	12	TSC	1:41.81
13	Wilson, McCrea J	12	TSC	1:43.63
---	McIntyre, Lucas G	12	TSC	DQ
---	Dhiman, Arsh	12	GGST	DQ

Boys 13 50 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Scott, Cooper C	13	TSC	27.80
2	Brinker, William J	13	TSC	28.69
3	Gyarmati, Alexander	13	TSC	28.97
4	Du, Eason	13	TSC	29.26
*5	Luttmer, Bernard A	13	TSC	29.47
*5	Scanlan, Kai A	13	TSC	29.47
7	Liu, Devan R	13	TSC	29.54
8	Dinh, Jayden Q	13	TSC	29.59
9	Sarvari, Oliver J	13	TSC	29.78
10	Thingvold-Ng, Erik K	13	TSC	30.26
*11	Kroeker, Rowley J	13	TSC	30.29
*11	Cellarius, Anton B	13	TSC	30.29
13	Sherwin, Rhys	13	GGST	30.45
14	Gomes, Theo M	13	TSC	31.06
15	Siemiatycki, Oliver O	13	TSC	31.91
16	Yang, Aaron	13	TSC	32.37
17	Eaton, Liam M	13	TSC	33.50
18	Florenco, Joaquin I	13	TSC	34.89
19	Zietsma, Eamon M	13	TSC	35.82
20	Baccus, Blake X	13	TSC	36.63

Boys 13 100 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Tran, Landon	13	TORCH	58.15
2	Tan, Kaleb	13	TORCH	59.04
3	Scanlan, Kai A	13	TSC	1:06.12
4	Dinh, Jayden Q	13	TSC	1:08.60
5	Yang, Aaron	13	TSC	1:09.14
6	Sherwin, Rhys	13	GGST	1:09.84
7	Gomes, Theo M	13	TSC	1:13.03
8	Eaton, Liam M	13	TSC	1:16.62
9	Florenco, Joaquin I	13	TSC	1:16.95
10	Zietsma, Eamon M	13	TSC	1:20.60
11	Baccus, Blake X	13	TSC	1:23.16

Boys 13 200 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Tran, Landon	13	TORCH	2:05.98
2	Tan, Kaleb	13	TORCH	2:14.28
3	Siemiatycki, Oliver O	13	TSC	2:38.68
4	Yang, Aaron	13	TSC	2:39.82
5	Dinh, Jayden Q	13	TSC	2:43.71
6	Eaton, Liam M	13	TSC	2:51.64

2023 Downtown Sprint Meet - 10/20/2023 to 10/22/2023

Results

(Boys 13 200 Meter Free)

7	Gomes, Theo M	13	TSC	2:52.71
8	Florencio, Joaquin I	13	TSC	3:05.56
9	Zietsma, Eamon M	13	TSC	3:06.30
10	Baccus, Blake X	13	TSC	3:06.56

Boys 13 50 Meter Back

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Brinker, William J	13	TSC	32.65
2	Liu, Devan R	13	TSC	34.53
3	Sarvari, Oliver J	13	TSC	34.72
4	Scott, Cooper C	13	TSC	35.30
5	Thingvold-Ng, Erik K	13	TSC	35.62
*6	Cellarius, Anton B	13	TSC	35.68
*6	Luttmer, Bernard A	13	TSC	35.68
8	Sherwin, Rhys	13	GGST	36.67
9	Du, Eason	13	TSC	36.68
10	Scanlan, Kai A	13	TSC	36.80
11	Kroeker, Rowley J	13	TSC	37.30
12	Gyarmati, Alexander	13	TSC	37.35
13	Zietsma, Eamon M	13	TSC	40.49
14	Siemiatycki, Oliver O	13	TSC	42.26

Boys 13 100 Meter Back

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Tran, Landon	13	TORCH	1:08.17
2	Sarvari, Oliver J	13	TSC	1:13.57
3	Brinker, William J	13	TSC	1:13.64
4	Scott, Cooper C	13	TSC	1:15.07
5	Liu, Devan R	13	TSC	1:15.28
6	Thingvold-Ng, Erik K	13	TSC	1:16.31
7	Gyarmati, Alexander	13	TSC	1:17.90
8	Cellarius, Anton B	13	TSC	1:18.07
9	Luttmer, Bernard A	13	TSC	1:18.95
10	Kroeker, Rowley J	13	TSC	1:20.06
11	Dinh, Jayden Q	13	TSC	1:22.13
12	Sherwin, Rhys	13	GGST	1:22.17
13	Du, Eason	13	TSC	1:22.31
14	Eaton, Liam M	13	TSC	1:25.55
15	Gomes, Theo M	13	TSC	1:25.65
16	Zietsma, Eamon M	13	TSC	1:27.62
17	Yang, Aaron	13	TSC	1:28.07
18	Siemiatycki, Oliver O	13	TSC	1:29.84
19	Florencio, Joaquin I	13	TSC	1:33.07
20	Baccus, Blake X	13	TSC	1:43.10

Boys 13 50 Meter Breast

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Du, Eason	13	TSC	35.69
2	Scott, Cooper C	13	TSC	38.12
3	Kroeker, Rowley J	13	TSC	38.90
4	Liu, Devan R	13	TSC	39.07
5	Gyarmati, Alexander	13	TSC	39.20
6	Luttmer, Bernard A	13	TSC	40.19
7	Sarvari, Oliver J	13	TSC	40.50
8	Brinker, William J	13	TSC	40.57
9	Cellarius, Anton B	13	TSC	40.76

10	Scanlan, Kai A	13	TSC	41.44
---	Thingvold-Ng, Erik K	13	TSC	DQ

Boys 13 100 Meter Breast

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Tran, Landon	13	TORCH	1:09.69
2	Tan, Kaleb	13	TORCH	1:17.49
3	Dinh, Jayden Q	13	TSC	1:27.66
4	Yang, Aaron	13	TSC	1:32.49
5	Sherwin, Rhys	13	GGST	1:33.18
6	Gomes, Theo M	13	TSC	1:34.91
7	Eaton, Liam M	13	TSC	1:41.90
8	Florencio, Joaquin I	13	TSC	1:46.32
9	Baccus, Blake X	13	TSC	1:57.65

Boys 13 50 Meter Fly

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Tan, Kaleb	13	TORCH	28.92
2	Brinker, William J	13	TSC	30.00
3	Gyarmati, Alexander	13	TSC	32.77
4	Scott, Cooper C	13	TSC	32.93
5	Scanlan, Kai A	13	TSC	33.54
6	Du, Eason	13	TSC	34.19
7	Thingvold-Ng, Erik K	13	TSC	34.79
8	Kroeker, Rowley J	13	TSC	34.88
9	Sarvari, Oliver J	13	TSC	34.98
10	Cellarius, Anton B	13	TSC	35.12
11	Sherwin, Rhys	13	GGST	36.04
12	Liu, Devan R	13	TSC	36.41
13	Siemiatycki, Oliver O	13	TSC	37.63
14	Luttmer, Bernard A	13	TSC	38.16

Boys 13 100 Meter Fly

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Tran, Landon	13	TORCH	1:06.58
2	Tan, Kaleb	13	TORCH	1:08.39
3	Baccus, Blake X	13	TSC	1:58.33

Boys 13 100 Meter IM

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Tran, Landon	13	TORCH	1:05.98
2	Tan, Kaleb	13	TORCH	1:06.83
3	Brinker, William J	13	TSC	1:13.97
4	Du, Eason	13	TSC	1:14.58
5	Scott, Cooper C	13	TSC	1:14.60
6	Liu, Devan R	13	TSC	1:15.93
7	Scanlan, Kai A	13	TSC	1:16.63
8	Sarvari, Oliver J	13	TSC	1:17.27
9	Gyarmati, Alexander	13	TSC	1:18.77
10	Thingvold-Ng, Erik K	13	TSC	1:18.81
11	Cellarius, Anton B	13	TSC	1:19.18
12	Kroeker, Rowley J	13	TSC	1:19.26
13	Dinh, Jayden Q	13	TSC	1:19.89
14	Luttmer, Bernard A	13	TSC	1:19.90
15	Yang, Aaron	13	TSC	1:23.30
16	Siemiatycki, Oliver O	13	TSC	1:23.64
17	Eaton, Liam M	13	TSC	1:26.72
18	Gomes, Theo M	13	TSC	1:27.12
19	Zietsma, Eamon M	13	TSC	1:33.77

20	Florencio, Joaquin I	13	TSC	1:34.73
----	----------------------	----	-----	---------

Boys 14 25 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Liu, Henry Y	14	TSC	13.56
2	Kiss, Nimrod P	14	TSC	13.96
3	Klejman, Aleks D	14	TSC	14.06
4	Tsilavis, Jason	14	TSC	14.50
5	Buchanan, Jack W	14	TSC	14.52
6	Bae, Peter P	14	TSC	14.80
---	Okoulov, Nico L	14	TSC	DQ

Boys 14 100 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Lam, Tyrus	14	TORCH	56.50
2	Jiang, Ryan	14	TORCH	57.65
3	Dennis, Alex	14	GGST	1:02.06
4	Sherwin, Grayson	14	GGST	1:02.15
5	Liu, Henry Y	14	TSC	1:02.55
6	Brent, Owen	14	GGST	1:02.66
7	Kiss, Nimrod P	14	TSC	1:05.53
8	Tran, Justin	14	TORCH	1:06.35
9	Buchanan, Jack W	14	TSC	1:06.55
10	Klejman, Aleks D	14	TSC	1:06.95
11	Hughes, Graeme	14	GGST	1:07.47

Boys 14 200 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Lam, Tyrus	14	TORCH	2:06.08
2	Jiang, Ryan	14	TORCH	2:07.50
3	Zhu, Jonathan	14	MSSAC	2:11.42
4	Yaghi, Marcel	14	MSSAC	2:13.06
5	Sherwin, Grayson	14	GGST	2:18.80
6	Brent, Owen	14	GGST	2:19.34
7	Liu, Henry Y	14	TSC	2:20.60
8	Kiss, Nimrod P	14	TSC	2:28.17
9	Hughes, Graeme	14	GGST	2:28.90
10	Tsilavis, Jason	14	TSC	2:34.71
11	Okoulov, Nico L	14	TSC	2:44.52
12	Bae, Peter P	14	TSC	2:44.56
---	Dennis, Alex	14	GGST	DQ

Boys 14 50 Meter Back

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Brent, Owen	14	GGST	31.89
2	Sherwin, Grayson	14	GGST	31.94
3	Dennis, Alex	14	GGST	33.17
4	Kiss, Nimrod P	14	TSC	35.03
5	Buchanan, Jack W	14	TSC	36.19
6	Hughes, Graeme	14	GGST	39.43

Boys 14 100 Meter Back

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Zhu, Jonathan	14	MSSAC	1:04.06
2	Lam, Tyrus	14	TORCH	1:04.55
3	Brent, Owen	14	GGST	1:09.17
4	Sherwin, Grayson	14	GGST	1:10.02
5	Dennis, Alex	14	GGST	1:10.89
6	Jiang, Ryan	14	TORCH	1:12.45

2023 Downtown Sprint Meet - 10/20/2023 to 10/22/2023

Results

(Boys 14 100 Meter Back)

7	Liu, Henry Y	14	TSC	1:12.78
8	Kiss, Nimrod P	14	TSC	1:15.51
9	Buchanan, Jack W	14	TSC	1:16.32
10	Klejman, Aleks D	14	TSC	1:18.12
11	Tran, Justin	14	TORCH	1:21.33
12	Hughes, Graeme	14	GGST	1:28.70

Boys 14 200 Meter Back

Name	Age	Team	Finals Time	
---	Jiang, Ryan	14	TORCH	DQ

Boys 14 50 Meter Breast

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Zhu, Jonathan	14	MSSAC	34.33
2	Sherwin, Grayson	14	GGST	35.62
3	Dennis, Alex	14	GGST	37.19
4	Yaghi, Marcel	14	MSSAC	38.54
5	Klejman, Aleks D	14	TSC	39.61
6	Okoulov, Nico L	14	TSC	40.78
7	Tran, Justin	14	TORCH	41.27
8	Tsilavis, Jason	14	TSC	42.92
9	Hughes, Graeme	14	GGST	42.94
10	Buchanan, Jack W	14	TSC	43.35

Boys 14 100 Meter Breast

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Tran, Justin	14	TORCH	1:26.07

Boys 14 200 Meter Breast

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Tran, Justin	14	TORCH	3:04.03
2	Yaghi, Marcel	14	MSSAC	3:05.94

Boys 14 50 Meter Fly

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Lam, Tyrus	14	TORCH	27.45
2	Sherwin, Grayson	14	GGST	31.16
3	Liu, Henry Y	14	TSC	31.44
4	Kiss, Nimrod P	14	TSC	32.85
5	Brent, Owen	14	GGST	33.39
6	Dennis, Alex	14	GGST	33.73
7	Klejman, Aleks D	14	TSC	34.10
8	Buchanan, Jack W	14	TSC	36.33
9	Hughes, Graeme	14	GGST	37.89

Boys 14 100 Meter Fly

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Lam, Tyrus	14	TORCH	1:00.50
2	Jiang, Ryan	14	TORCH	1:04.60
3	Brent, Owen	14	GGST	1:16.38
4	Bae, Peter P	14	TSC	1:21.13

Boys 14 200 Meter IM

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Lam, Tyrus	14	TORCH	2:22.74
2	Jiang, Ryan	14	TORCH	2:32.17
3	Liu, Henry Y	14	TSC	2:32.24
4	Tran, Justin	14	TORCH	2:45.83

5 Klejman, Aleks D 14 TSC 2:56.54

Boys 15 25 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Pan, Ivan	15	TSC	12.76
2	Woolham, Aidan T	15	TSC	12.81
3	Mendoza Ochoa, Carl	15	TSC	12.84
4	von Wasilewski Peyk	15	TSC	13.05
5	Cumming, Travis	15	TSC	13.12
6	Paterson, Nathan W	15	TSC	13.70
7	Flynn, Callum M	15	TSC	13.85
8	Espinola, Gerardo J	15	TSC	14.82

Boys 15 100 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Kennedy, Sean	15	TORCH	57.50
2	Mendoza Ochoa, Carl	15	TSC	58.64
3	Malcolm, Evan	15	GGST	58.68
4	Cumming, Travis	15	TSC	59.32
5	Pan, Ivan	15	TSC	59.51
6	Hingada, Hiro	15	TORCH	1:01.04
7	Paterson, Nathan W	15	TSC	1:03.83
8	Tian, Brady	15	GGST	1:04.66
9	Volokitin, Arseniy	15	TSC	1:07.86
10	Korkuti, Lukas L	15	TSC	1:17.59
11	Kerr, Quinn L	15	TSC	1:18.12

Boys 15 200 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Hill, Matthew	15	MSSAC	2:08.87
2	Kuziora, Philip	15	MSSAC	2:09.04
3	Kennedy, Sean	15	TORCH	2:10.48
4	Telky, Liam	15	TORCH	2:13.31
5	Yu, Leo	15	MSSAC	2:16.14
6	Hingada, Hiro	15	TORCH	2:16.47
7	Shao, Luke	15	MSSAC	2:21.99
8	Paterson, Nathan W	15	TSC	2:24.53
9	Flynn, Callum M	15	TSC	2:25.62
10	Tian, Brady	15	GGST	2:29.18
11	Espinola, Gerardo J	15	TSC	2:46.70

Boys 15 50 Meter Back

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Chan, Nathan	15	TORCH	27.65
2	Woolham, Aidan T	15	TSC	32.36
3	Tian, Brady	15	GGST	33.73
4	Korkuti, Lukas L	15	TSC	37.84

Boys 15 100 Meter Back

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Chan, Nathan	15	TORCH	1:00.29
2	Li, Max C	15	TSC	1:05.19
3	Kuziora, Philip	15	MSSAC	1:05.31
4	Mendoza Ochoa, Carl	15	TSC	1:06.51
5	Malcolm, Evan	15	GGST	1:08.14
6	Pan, Ivan	15	TSC	1:09.17
7	Cumming, Travis	15	TSC	1:09.25
8	Woolham, Aidan T	15	TSC	1:11.18
9	Shao, Luke	15	MSSAC	1:11.20

10	Telky, Liam	15	TORCH	1:11.77
11	Hill, Matthew	15	MSSAC	1:11.79
12	Yu, Leo	15	MSSAC	1:12.08
13	Hingada, Hiro	15	TORCH	1:13.00
14	Tian, Brady	15	GGST	1:14.53

Boys 15 200 Meter Back

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Telky, Liam	15	TORCH	2:35.10
2	Flynn, Callum M	15	TSC	2:48.60

Boys 15 50 Meter Breast

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Chan, Nathan	15	TORCH	31.85
2	Shao, Luke	15	MSSAC	32.04
3	Li, Max C	15	TSC	32.59
4	von Wasilewski Peyk	15	TSC	32.90
5	Woolham, Aidan T	15	TSC	32.99
6	Pan, Ivan	15	TSC	33.07
7	Kennedy, Sean	15	TORCH	33.57
8	Yu, Leo	15	MSSAC	33.90
9	Hill, Matthew	15	MSSAC	35.42
10	Cumming, Travis	15	TSC	35.52
11	Paterson, Nathan W	15	TSC	36.08
12	Malcolm, Evan	15	GGST	36.43
13	Kuziora, Philip	15	MSSAC	36.80
14	Mendoza Ochoa, Carl	15	TSC	40.90

Boys 15 100 Meter Breast

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Li, Max C	15	TSC	1:10.38
2	von Wasilewski Peyk	15	TSC	1:10.98
3	Chan, Nathan	15	TORCH	1:12.10
4	Hingada, Hiro	15	TORCH	1:17.84
5	Malcolm, Evan	15	GGST	1:18.64
6	Paterson, Nathan W	15	TSC	1:22.27
7	Flynn, Callum M	15	TSC	1:30.37
8	Volokitin, Arseniy	15	TSC	1:38.76

Boys 15 200 Meter Breast

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Chan, Nathan	15	TORCH	2:44.33
2	Hingada, Hiro	15	TORCH	2:46.83
3	Flynn, Callum M	15	TSC	3:12.42

Boys 15 50 Meter Fly

Name	Age	Team	Finals Time	
1	Kennedy, Sean	15	TORCH	28.17
2	Li, Max C	15	TSC	28.84
3	Cumming, Travis	15	TSC	28.94
4	Mendoza Ochoa, Carl	15	TSC	29.00
5	Woolham, Aidan T	15	TSC	29.75
6	Telky, Liam	15	TORCH	31.39
7	Pan, Ivan	15	TSC	31.63
8	Volokitin, Arseniy	15	TSC	36.44
9	Kerr, Quinn L	15	TSC	40.90

2023 Downtown Sprint Meet - 10/20/2023 to 10/22/2023

Results

Boys 15 100 Meter Fly

Name	Age	Team	Finals Time
1 Kennedy, Sean	15	TORCH	1:03.13
2 Malcolm, Evan	15	GGST	1:04.35
3 Li, Max C	15	TSC	1:06.05
4 Telky, Liam	15	TORCH	1:08.77
5 Flynn, Callum M	15	TSC	1:14.26
6 Espinola, Gerardo J	15	TSC	1:19.31

Boys 15 200 Meter Fly

Name	Age	Team	Finals Time
1 Li, Max C	15	TSC	2:37.87
2 Telky, Liam	15	TORCH	2:38.23
3 Flynn, Callum M	15	TSC	2:50.06

Boys 15 200 Meter IM

Name	Age	Team	Finals Time
1 von Wasilewski Peyk	15	TSC	2:18.71
2 Chan, Nathan	15	TORCH	2:20.34
3 Malcolm, Evan	15	GGST	2:23.28
4 Kennedy, Sean	15	TORCH	2:28.25
5 Cumming, Travis	15	TSC	2:30.13
6 Hingada, Hiro	15	TORCH	2:30.82
7 Pan, Ivan	15	TSC	2:31.55
8 Mendoza Ochoa, Carl	15	TSC	2:32.94
9 Woolham, Aidan T	15	TSC	2:41.07

Boys 16&O 25 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time
1 Bagrianski, Misha	21	UT	11.11
2 El Tatawy, Ahmed	18	UT	11.25
3 Herman, Andrew	19	UT	11.50
4 Gallant, Jacob	20	UT	11.63
5 Gort, Toby S	16	TSC	11.80
6 Taylor, Noah S	17	TSC	11.85
7 Atwan, Adnan	20	UT	11.88
8 Evans, Aleks	18	TSC	12.00
9 Sclater, Henry	17	GGST	12.03
10 Tsang, Oliver	16	GGST	12.16
11 Ryan, JP	17	GGST	12.19
12 Gaskell, Asher N	16	TSC	12.27
13 Hamoda, Youssef H	17	TSC	12.34
14 Sava, Michael	20	UT	12.36
15 Dan, Andrei	16	TSC	12.52
16 Wu, Warren	16	GGST	12.56
17 Inksetter, Sheldon	17	TSC	12.67
18 Balgopal, Ronan D	16	TSC	12.70
19 Li, James J	16	TSC	12.78
20 Shou, Archie Y	17	TSC	13.26
21 Liu, Yichen	13	TSC	13.43
22 Endean, Harrison E	17	TSC	13.48
23 Vukasinovic, Viktor V	13	TSC	13.55
24 Pollak, Matthias E	16	TSC	13.69
25 Gu, Aaron Z	16	TSC	13.76
26 Bae, Minsang D	16	TSC	14.39
27 Shnier, Elliott N	13	TSC	14.58

Boys 16&O 100 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time
1 Weaver, Liam	20	UT	50.77
2 Buck, Carter	20	UT	50.96
3 Aylward, Graeme	23	UT	51.05
4 El Tatawy, Ahmed	18	UT	51.66
5 Harris, Aiden	17	UT	52.29
6 Paulins, Sebastian	25	BRANT	52.47
7 Loewen, Benjamin	19	UT	52.90
8 Oswald, Brendan	21	UT	52.97
9 Atwan, Adnan	20	UT	52.99
10 Matteis, Quinn	18	UT	53.05
11 Herman, Andrew	19	UT	54.68
12 Sclater, Henry	17	GGST	54.89
13 Gort, Toby S	16	TSC	55.03
14 Ryan, JP	17	GGST	56.27
15 Brent, Liam	16	GGST	56.59
16 Bellamy, Kyle J	17	TSC	56.88
17 Gaskell, Asher N	16	TSC	57.22
18 Tsang, Oliver	16	GGST	57.46
19 Balgopal, Ronan D	16	TSC	57.63
20 Dan, Andrei	16	TSC	57.76
21 Pyzer, Carson	16	TORCH	58.29
22 Wu, Warren	16	GGST	58.31
23 Inksetter, Sheldon	17	TSC	58.53
24 Moots, Jacob A	16	TSC	58.66
25 Liu, Yichen	13	TSC	59.64
26 Endean, Harrison E	17	TSC	1:02.24
27 Vukasinovic, Viktor V	13	TSC	1:02.62
--- Tambling, Max	23	UT	X53.05

Boys 16&O 200 Meter Free

Name	Age	Team	Finals Time
1 Paulins, Sebastian	25	BRANT	1:51.37
2 Matteis, Quinn	18	UT	1:52.33
3 Buck, Carter	20	UT	1:53.21
4 Dongfang, Bill	18	UT	1:53.91
5 Taylor, Noah S	17	TSC	1:54.24
6 Atwan, Adnan	20	UT	1:57.23
7 Loewen, Benjamin	19	UT	1:58.47
8 Powalowski, Mathew	17	MSSAC	2:02.49
9 Gort, Toby S	16	TSC	2:02.63
10 Miekus, Mark	16	MSSAC	2:03.30
11 Bellamy, Kyle J	17	TSC	2:04.61
12 McGinnis, Jack	16	MSSAC	2:04.69
13 Podolnyi, Timothy	16	MSSAC	2:05.13
14 Huang, Samuel	16	TORCH	2:06.19
15 Prodan, Chris	16	MSSAC	2:06.89
16 LI, Patrick	16	MSSAC	2:08.02
17 Brozda, Lukasz	16	MSSAC	2:09.45
18 Pyzer, Carson	16	TORCH	2:10.12
19 Moots, Jacob A	16	TSC	2:10.83
20 Matthews, Ben	16	TORCH	2:13.57
21 Zhou, Connor	16	MSSAC	2:13.90
22 Shnier, Elliott N	13	TSC	2:27.96
23 Bae, Minsang D	16	TSC	2:49.53
--- Tambling, Max	23	UT	X1:52.02

--- Wu, Warren 16 GGST DNF

Boys 16&O 50 Meter Back

Name	Age	Team	Finals Time
1 Herman, Andrew	19	UT	25.91
2 Dongfang, Bill	18	UT	26.00
3 Sclater, Henry	17	GGST	27.13
4 Gallant, Jacob	20	UT	28.25
5 Gort, Toby S	16	TSC	28.29
6 Shou, Archie Y	17	TSC	28.41
7 Evans, Aleks	18	TSC	29.40
8 Pyzer, Carson	16	TORCH	29.72
9 Ryan, JP	17	GGST	29.96
10 Tsang, Oliver	16	GGST	31.62
11 Pollak, Matthias E	16	TSC	33.08
12 Shnier, Elliott N	13	TSC	35.02
--- Tambling, Max	23	UT	X28.30

Boys 16&O 100 Meter Back

Name	Age	Team	Finals Time
1 Buck, Carter	20	UT	54.42
2 Herman, Andrew	19	UT	56.27
3 Matteis, Quinn	18	UT	58.56
4 Shou, Archie Y	17	TSC	1:03.17
5 Podolnyi, Timothy	16	MSSAC	1:03.69
6 Sava, Michael	20	UT	1:04.33
7 Li, James J	16	TSC	1:04.41
8 Pyzer, Carson	16	TORCH	1:04.60
9 Ryan, JP	17	GGST	1:05.12
10 Gaskell, Asher N	16	TSC	1:05.31
11 Brent, Liam	16	GGST	1:05.56
12 Huang, Samuel	16	TORCH	1:05.64
13 Evans, Aleks	18	TSC	1:05.71
14 Moots, Jacob A	16	TSC	1:05.81
15 Dan, Andrei	16	TSC	1:06.25
16 Chan, Seamus	17	MSSAC	1:06.32
17 Miekus, Mark	16	MSSAC	1:07.12
18 Bellamy, Kyle J	17	TSC	1:07.59
19 Brozda, Lukasz	16	MSSAC	1:07.74
20 McGinnis, Jack	16	MSSAC	1:07.89
21 Powalowski, Mathew	17	MSSAC	1:08.58
22 Tsang, Oliver	16	GGST	1:08.68
23 LI, Patrick	16	MSSAC	1:09.05
24 Balgopal, Ronan D	16	TSC	1:09.16
25 Inksetter, Sheldon	17	TSC	1:10.49
26 Gu, Aaron Z	16	TSC	1:11.13
27 Pollak, Matthias E	16	TSC	1:11.29
28 Vukasinovic, Viktor V	13	TSC	1:12.11
29 Zhou, Connor	16	MSSAC	1:13.87
30 Matthews, Ben	16	TORCH	1:14.10
31 Liu, Yichen	13	TSC	1:15.16

Boys 16&O 200 Meter Back

Name	Age	Team	Finals Time
1 Buck, Carter	20	UT	1:59.75
2 Loewen, Benjamin	19	UT	2:02.32
3 Dongfang, Bill	18	UT	2:12.45
4 Pyzer, Carson	16	TORCH	2:19.90

2023 Downtown Sprint Meet - 10/20/2023 to 10/22/2023

Results

(Boys 16&O 200 Meter Back)

5	Pollak, Matthis E	16	TSC	2:33.81
6	Shnier, Elliott N	13	TSC	2:43.95

Boys 16&O 50 Meter Breast

Name	Age	Team	Finals Time
1	Aylward, Graeme	23 UT	28.45
2	Gu, Jake	23 UT	30.46
3	Ryan, JP	17 GGST	31.13
4	Weaver, Liam	20 UT	31.30
5	Miekus, Mark	16 MSSAC	31.38
6	Chan, Seamus	17 MSSAC	32.16
7	Tsang, Oliver	16 GGST	32.72
8	Brent, Liam	16 GGST	33.21
9	Matthews, Ben	16 TORCH	33.61
10	Dan, Andrei	16 TSC	33.84
11	Gaskell, Asher N	16 TSC	33.95
12	Moots, Jacob A	16 TSC	33.98
13	Wu, Warren	16 GGST	33.99
14	Powalowski, Mathew	17 MSSAC	34.01
15	Zhou, Connor	16 MSSAC	34.19
16	Shou, Archie Y	17 TSC	35.12
17	Li, James J	16 TSC	35.35
18	Sclater, Henry	17 GGST	35.65
19	LI, Patrick	16 MSSAC	36.19
20	Brozda, Lukasz	16 MSSAC	36.23
21	Endean, Harrison E	17 TSC	36.43
22	Evans, Aleks	18 TSC	36.70
23	Podolnyi, Timothy	16 MSSAC	36.90
24	Liu, Yichen	13 TSC	37.58
25	Vukasinovic, Viktor V	13 TSC	38.19
26	Pollak, Matthis E	16 TSC	39.15
27	Gu, Aaron Z	16 TSC	39.52
28	Bae, Minsang D	16 TSC	39.89

Boys 16&O 100 Meter Breast

Name	Age	Team	Finals Time
1	Aylward, Graeme	23 UT	1:02.70
2	Gu, Jake	23 UT	1:06.34
3	Taylor, Noah S	17 TSC	1:09.28
4	Ryan, JP	17 GGST	1:10.41
5	Brent, Liam	16 GGST	1:11.28
6	Bellamy, Kyler J	17 TSC	1:11.72
7	Moots, Jacob A	16 TSC	1:13.31
8	Wu, Warren	16 GGST	1:15.42
9	Huang, Samuel	16 TORCH	1:17.13
10	Li, James J	16 TSC	1:17.92
11	Endean, Harrison E	17 TSC	1:24.78

Boys 16&O 200 Meter Breast

Name	Age	Team	Finals Time
1	Gallant, Jacob	20 UT	2:15.23
2	Prodan, Chris	16 MSSAC	2:35.69

Boys 16&O 50 Meter Fly

Name	Age	Team	Finals Time
1	Weaver, Liam	20 UT	25.10
2	El Tatawy, Ahmed	18 UT	25.13

3	Aylward, Graeme	23 UT	25.55
4	Bagrianski, Misha	21 UT	25.92
5	Harris, Aiden	17 UT	26.07
6	Atwan, Adnan	20 UT	27.21
7	Shou, Archie Y	17 TSC	27.38
8	Sclater, Henry	17 GGST	27.71
9	Evans, Aleks	18 TSC	27.99
10	Huang, Samuel	16 TORCH	28.15
11	Gu, Jake	23 UT	28.18
12	Li, James J	16 TSC	28.28
13	Gaskell, Asher N	16 TSC	28.67
14	Balgopal, Ronan D	16 TSC	28.71
15	Inksetter, Sheldon	17 TSC	29.00
16	Liu, Yichen	13 TSC	30.65
17	Endean, Harrison E	17 TSC	31.65
18	Vukasinovic, Viktor V	13 TSC	32.57
---	Brent, Liam	16 GGST	DQ

8	Bellamy, Kyler J	17 TSC	2:20.04
9	Moots, Jacob A	16 TSC	2:23.02
10	Dan, Andrei	16 TSC	2:23.13
11	Li, James J	16 TSC	2:25.81
12	Gaskell, Asher N	16 TSC	2:31.85
13	Liu, Yichen	13 TSC	2:32.60
14	Balgopal, Ronan D	16 TSC	2:34.51
15	Vukasinovic, Viktor V	13 TSC	2:41.66
16	Shnier, Elliott N	13 TSC	2:55.37
---	Inksetter, Sheldon	17 TSC	DQ
---	Evans, Aleks	18 TSC	DQ

Boys 16&O 100 Meter Fly

Name	Age	Team	Finals Time
1	Dongfang, Bill	18 UT	53.95
2	El Tatawy, Ahmed	18 UT	55.37
3	Loewen, Benjamin	19 UT	56.03
4	Paulins, Sebastian	25 BRANT	56.46
5	Taylor, Noah S	17 TSC	56.86
6	Sava, Michael	20 UT	56.92
7	Oswald, Brendan	21 UT	57.05
8	Harris, Aiden	17 UT	57.26
9	Huang, Samuel	16 TORCH	1:00.57
10	Gort, Toby S	16 TSC	1:01.58
11	Sclater, Henry	17 GGST	1:01.81
12	Bellamy, Kyler J	17 TSC	1:01.97
13	Prodan, Chris	16 MSSAC	1:03.47
14	Santamaria, Nigel	16 MSSAC	1:04.35
15	Brent, Liam	16 GGST	1:05.03
16	Inksetter, Sheldon	17 TSC	1:05.67
17	Balgopal, Ronan D	16 TSC	1:05.72
18	McGinnis, Jack	16 MSSAC	1:07.43
19	Pyzer, Carson	16 TORCH	1:07.90
20	Shnier, Elliott N	13 TSC	1:27.79
---	Tambling, Max	23 UT	X56.87

Boys 16&O 200 Meter Fly

Name	Age	Team	Finals Time
1	Sava, Michael	20 UT	2:01.18
2	Taylor, Noah S	17 TSC	2:05.19
3	Gallant, Jacob	20 UT	2:08.41
4	Huang, Samuel	16 TORCH	2:15.03

Boys 16&O 200 Meter IM

Name	Age	Team	Finals Time
1	Paulins, Sebastian	25 BRANT	2:08.38
2	Taylor, Noah S	17 TSC	2:11.70
3	Matteis, Quinn	18 UT	2:12.78
4	Harris, Aiden	17 UT	2:14.03
5	Sava, Michael	20 UT	2:14.66
6	Gort, Toby S	16 TSC	2:16.59
7	Gu, Jake	23 UT	2:16.97